BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6337/QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 20 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập
Học kỳ 1, năm học 2026-2027

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 66/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 02 tháng 3 năm 2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng Trường ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 181/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết số 185/NQ-HĐT ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng Trường về sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 3609/QĐ-ĐHCT, ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Đại học Cần Thơ về định mức học bổng khuyến khích áp dụng từ học kỳ 1, năm học 2026-2027; Quyết định số 5599/QĐ-ĐHCT, ngày 06 tháng 10 năm 2026 về phân bổ quỹ học bổng khuyến khích áp dụng cho học kỳ 1, năm học 2026-2027 của Giám đốc Đại học Cần Thơ;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện học kỳ 3 năm học 2025-2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay cấp học bổng khuyến khích học tập cho **1.134** sinh viên chính quy đang theo học tại Đại học Cần Thơ:

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Mức học bổng khuyến khích được chi trả theo quy định hiện hành. Thời gian cấp học bổng là học kỳ 1, 2026-2027.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh văn phòng Đại học Cần Thơ, các Trưởng phòng: Công tác Sinh viên, Đào tạo, Kế hoạch và Tài chính; Thủ trưởng các đơn vị và sinh viên có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CTSV.

Q. GIÁM ĐỐC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Trần Ngọc Hải

Số: 6337/QĐ-ĐHCT
Thời gian ký: 2026-10-27T17:27:57+07:00

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH
Học Kỳ 1 - Năm Học 2026 - 2027

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6337/QĐ-ĐHCT, ngày 20/10/2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
1. Khối lớp: DA2308A								
Lớp: DA2308A1								
1	B2300100	Lê Trần Diễm Quỳnh	14	95	3.89	Xuất sắc	12.684.000	
2	B2300110	Huỳnh Ngọc Trân	18	93	3.92	Xuất sắc	16.308.000	
Lớp: DA2308A2								
1	B2300161	Nguyễn Phương Nguyên	17	90	3.94	Xuất sắc	15.402.000	
2	B2300200	Từ Nguyễn Khánh Vy	18	95	3.92	Xuất sắc	16.308.000	
Cộng khối:							**60.702.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 77.436.180 đồng/học kỳ								
2. Khối lớp: DA2366A								
Lớp: DA2366A1								
1	B2302459	Võ Thu Hương	13	96	3.92	Xuất sắc	10.608.000	
Lớp: DA2366A2								
1	B2302507	Nguyễn Kỳ Duyên	13	95	3.92	Xuất sắc	10.608.000	
2	B2302513	Phan Hồng Hân	12	100	3.92	Xuất sắc	9.792.000	
3	B2302526	Nguyễn Phước Mai	12	90	3.92	Xuất sắc	9.792.000	
Cộng khối:							**40.800.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 44.297.431 đồng/học kỳ								
3. Khối lớp: DA23U5A								
Lớp: DA23U5A1								
1	B2305816	Huỳnh Hoài Dân	13	95	3.85	Xuất sắc	11.778.000	
2	B2305841	Nguyễn Phụng Tiên	15	95	3.8	Xuất sắc	13.590.000	
Cộng khối:							**25.368.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.323.368 đồng/học kỳ								
4. Khối lớp: DA2408A								
Lớp: DA2408A1								
1	B2400120	Nguyễn Thành Nhân	14	100	3.81	Xuất sắc	12.534.000	
2	B2400128	Trần Ngọc Như	17	97	3.88	Xuất sắc	15.402.000	
Lớp: DA2408A2								
1	B2400096	Nguyễn Tô Thanh Lâm	17	95	3.82	Xuất sắc	15.402.000	
2	B2400154	Phạm Anh Thư	17	90	4	Xuất sắc	15.402.000	
Lớp: DA2408A3								
1	B2400211	Trương Thị Ngọc Hân	14	95	3.86	Xuất sắc	12.384.000	
Lớp: DA2408A4								
1	B2400192	Sơn Bảo Ca	14	95	3.92	Xuất sắc	12.234.000	
2	B2400292	Trần Thị Cẩm Tiên	14	97	4	Xuất sắc	12.534.000	
3	B2400307	Lê Hoàng Tỹ	14	97	4	Xuất sắc	12.534.000	
4	B2400311	Nguyễn Thanh Vy	15	93	3.93	Xuất sắc	13.140.000	
Lớp: DA2408A5								
1	B2400332	Trần Thị Mỹ Duyên	15	90	3.83	Xuất sắc	13.290.000	
2	B2400363	Nguyễn Kha Lil	12	100	4	Xuất sắc	10.872.000	
3	B2400401	Phan Ngọc Quí	14	100	3.92	Xuất sắc	12.534.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Lớp: DA2408A6								
1	B2400340	Lê Trí Hải	14	95	3.85	Xuất sắc	12.534.000	
2	B2400341	Đinh Ngọc Hân	13	100	3.88	Xuất sắc	11.478.000	
3	B2400431	Lý Ngọc Trâm	14	92	3.92	Xuất sắc	12.234.000	
Cộng khối:							**194.508.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 193.568.911 đồng/học kỳ								
5. Khối lớp: DA2466A								
Lớp: DA2466A1								
1	B2403157	Bùi Lê Kim Anh	13	97	4	Xuất sắc	10.608.000	
2	B2403161	Nguyễn Lê Khả Ái	13	93	4	Xuất sắc	10.608.000	
3	B2403169	Nguyễn Thành Đạt	14	96	4	Xuất sắc	11.364.000	
4	B2403179	Bùi Tấn Khánh	14	100	4	Xuất sắc	11.364.000	
5	B2403181	Phạm Anh Khoa	13	95	4	Xuất sắc	10.548.000	
6	B2403196	Trương Thị Huỳnh Như	16	90	4	Xuất sắc	12.996.000	
7	B2403211	Lê Thị Minh Thư	14	90	4	Xuất sắc	11.424.000	
Lớp: DA2466A2								
1	B2403293	Trần Thị Huyền Trâm	16	92	4	Xuất sắc	13.056.000	
2	B2403301	Trần Thị Ngọc Vi	15	98	4	Xuất sắc	12.180.000	
Lớp: DA2466A4								
1	B2403382	Trần Thị Thúy An	15	90	4	Xuất sắc	12.060.000	
2	B2403385	Nguyễn Võ Vân Anh	13	95	4	Xuất sắc	10.488.000	
3	B2403392	Nguyễn Ngọc Dương	13	90	4	Xuất sắc	10.548.000	
4	B2403414	Bành Gia Ngân	15	90	4	Xuất sắc	12.180.000	
5	B2403427	Trần Thị Kim Sang	13	90	4	Xuất sắc	10.548.000	
Cộng khối:							**159.972.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 137.823.962 đồng/học kỳ								
6. Khối lớp: DA24U5A								
Lớp: DA24U5A1								
1	B2407892	Nguyễn Minh Hoàng	15	97	3.8	Xuất sắc	13.590.000	
2	B2407930	Nguyễn Hoàng Tuấn Vỹ	17	95	3.82	Xuất sắc	15.402.000	
Cộng khối:							**28.992.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.076.360 đồng/học kỳ								
7. Khối lớp: DA2508A								
Lớp: DA2508A1								
1	B2500146	Phạm Quốc Kha	13	98	3.92	Xuất sắc	11.328.000	
2	B2500170	Lê Ngọc Yến Nhi	13	90	3.92	Xuất sắc	11.328.000	
Lớp: DA2508A2								
1	B2500207	Quách Trần Minh Anh	13	93	3.92	Xuất sắc	11.328.000	
2	B2500208	Lê Thị Nhật Ánh	15	93	4	Xuất sắc	12.840.000	
3	B2500255	Nguyễn Tấn Phát	12	92	3.96	Xuất sắc	10.572.000	
4	B2500259	Nguyễn Lê Như Quỳnh	13	100	3.92	Xuất sắc	11.028.000	
5	B2500271	Nguyễn Thị Bảo Trân	12	96	3.96	Xuất sắc	10.572.000	
6	B2500276	Tô Anh Tuấn	13	98	3.88	Xuất sắc	11.328.000	
Lớp: DA2508A3								
1	B2500298	Đặng Tấn Đạt	13	90	4	Xuất sắc	11.328.000	
2	B2500306	Nguyễn Thành Hữu	15	90	3.93	Xuất sắc	12.840.000	
Cộng khối:							**114.492.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 114.917.767 đồng/học kỳ								
8. Khối lớp: DA2566A								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Lớp: DA2566A1								
1	B2503324	Nguyễn Thị Thu Trang	15	93	3.96	Xuất sắc	11.940.000	
2	B2503325	Lê Tố Trân	15	95	3.96	Xuất sắc	11.940.000	
Lớp: DA2566A2								
1	B2503365	Nguyễn Thị Kiều My	15	93	3.93	Xuất sắc	11.940.000	
2	B2503368	Phạm Thị Kim Ngân	15	95	3.96	Xuất sắc	11.940.000	
3	B2503377	Hà Minh Phúc	14	90	3.92	Xuất sắc	11.124.000	
Lớp: DA2566A3								
1	B2503399	Võ Thị Như Anh	14	95	3.92	Xuất sắc	11.124.000	
2	B2503421	Trương Đăng Khoa	14	95	4	Xuất sắc	11.124.000	
Cộng khối:							**81.132.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 76.139.201 đồng/học kỳ								
9. Khối lớp: DA25U5A								
Lớp: DA25U5A1								
1	B2508772	Nguyễn Thị Như Ngọc	13	95	3.81	Xuất sắc	11.478.000	
Cộng khối:							**11.478.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.493.400 đồng/học kỳ								
10. Khối lớp: DI2295A								
Lớp: DI2295A1								
1	B2203471	Nguyễn Ngọc Tâm Thi	15	93	4	Xuất sắc	13.590.000	
2	B2203482	Lê Minh Trung	15	78	4	Khá	11.325.000	
Cộng khối:							**24.915.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.628.360 đồng/học kỳ								
11. Khối lớp: DI2296A								
Lớp: DI2296A1								
1	B2203532	Đinh Văn Thuận	12	96	3.5	Giỏi	9.966.000	
Cộng khối:							**9.966.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 11.633.400 đồng/học kỳ								
12. Khối lớp: DI22D1A								
Lớp: DI22D1A2								
1	B2203654	Bùi Thị Thảo Duy	15	100	4	Xuất sắc	11.880.000	
2	B2203685	Trần Thị Huỳnh Sương	15	100	4	Xuất sắc	11.880.000	
3	B2203693	Nguyễn Ngọc Thùy Trang	15	100	4	Xuất sắc	11.880.000	
4	B2203697	Nguyễn Cao Kiến Trúc	15	100	4	Xuất sắc	11.880.000	
Cộng khối:							**47.520.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 49.308.084 đồng/học kỳ								
13. Khối lớp: DI22D2A								
Lớp: DI22D2A1								
1	B2203731	Huỳnh Đức Rạng	18	67	3.58	Khá	13.590.000	
Cộng khối:							**13.590.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 14.975.402 đồng/học kỳ								
14. Khối lớp: DI22T9A								
Lớp: DI22T9A1								
1	B2204965	Trương Văn Quy	15	100	4	Xuất sắc	13.590.000	
2	B2204974	Võ Thị Bảo Trân	15	97	4	Xuất sắc	13.590.000	
Cộng khối:							**27.180.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.295.760 đồng/học kỳ								
15. Khối lớp: DI22V7A								
Lớp: DI22V7A1								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
1	B2205856	Trần Vĩnh Cường	15	67	4	Khá	11.325.000	
2	B2205917	Mai Trần Bảo Trân	15	90	4	Xuất sắc	13.590.000	
Cộng khối:							**24.915.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.553.576 đồng/học kỳ								
16. Khối lớp: DI22Z6A								
Lớp: DI22Z6A1								
1	B2207572	Mai Trần Ngọc Trân	15	90	4	Xuất sắc	13.590.000	
Cộng khối:							**13.590.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.731.560 đồng/học kỳ								
17. Khối lớp: DI2395A								
Lớp: DI2395A1								
1	B2303739	Trần Nguyễn Thanh Điền	12	92	3.75	Xuất sắc	10.872.000	
2	B2303759	Nguyễn Đức Lộc	12	100	3.88	Xuất sắc	10.872.000	
3	B2303765	Lưu Văn Mược	12	100	3.63	Xuất sắc	10.872.000	
Cộng khối:							**32.616.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.080.592 đồng/học kỳ								
18. Khối lớp: DI2396A								
Lớp: DI2396A1								
1	B2303827	Đoàn Tài Lộc	13	97	4	Xuất sắc	11.778.000	
2	B2303832	Trần Văn Nghĩa	13	100	4	Xuất sắc	11.778.000	
3	B2303847	Trịnh Duy Tân	13	98	4	Xuất sắc	11.778.000	
Cộng khối:							**35.334.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.541.656 đồng/học kỳ								
19. Khối lớp: DI23D1A								
Lớp: DI23D1A1								
1	B2303950	Trương Khánh Quyên	12	100	4	Xuất sắc	9.504.000	
2	B2303951	Trần Thị Tuyết Quỳnh	15	95	4	Xuất sắc	11.880.000	
3	B2303959	Trần Anh Thy	12	98	4	Xuất sắc	9.504.000	
4	B2303971	Nguyễn Thị Như Ý	15	98	4	Xuất sắc	11.880.000	
Lớp: DI23D1A2								
1	B2303976	Võ Tuyết Anh	15	95	4	Xuất sắc	11.880.000	
Cộng khối:							**54.648.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 56.955.802 đồng/học kỳ								
20. Khối lớp: DI23D2A								
Lớp: DI23D2A1								
1	B2304052	Nguyễn Chí Hùng	13	100	3.88	Xuất sắc	11.628.000	
2	B2304081	Mai Chí Thanh	12	97	3.88	Xuất sắc	10.872.000	
3	B2304087	Ngô Văn Tiến	12	98	3.88	Xuất sắc	10.872.000	
Cộng khối:							**33.372.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.092.840 đồng/học kỳ								
21. Khối lớp: DI23T9A								
Lớp: DI23T9A1								
1	B2305568	Nguyễn Thị Huỳnh Giao	12	97	3.88	Xuất sắc	10.872.000	
2	B2305602	Hồ Yến Oanh	12	97	3.88	Xuất sắc	10.872.000	
3	B2305618	Trần Minh Tú	13	93	3.92	Xuất sắc	11.778.000	
Cộng khối:							**33.522.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.798.976 đồng/học kỳ								
22. Khối lớp: DI23V7A								
Lớp: DI23V7A1								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
1	B2306573	Trần Minh Phú	12	100	4	Xuất sắc	10.872.000	
2	B2306588	Ngô Dương Nhựt Thượng	12	100	4	Xuất sắc	10.872.000	
3	B2306598	Nguyễn Minh Tuấn	15	100	4	Xuất sắc	13.590.000	
4	B2306603	Trần Anh Vũ	12	100	4	Xuất sắc	10.872.000	
Cộng khối:							**46.206.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.544.300 đồng/học kỳ								
23. Khối lớp: DI23Z6A								
Lớp: DI23Z6A1								
1	B2308361	Nguyễn Huỳnh Huy	12	91	4	Xuất sắc	10.872.000	
2	B2308377	Dương Trọng Nhân	15	100	4	Xuất sắc	13.590.000	
Cộng khối:							**24.462.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.601.490 đồng/học kỳ								
24. Khối lớp: DI2495A								
Lớp: DI2495A1								
1	B2404880	Nguyễn Tuyết Thơ	14	100	4	Xuất sắc	12.384.000	
Lớp: DI2495A2								
1	B2404909	Võ Thị Cẩm Ly	14	97	3.89	Xuất sắc	12.384.000	
2	B2404930	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	20	95	3.93	Xuất sắc	17.820.000	
Cộng khối:							**42.588.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 42.858.720 đồng/học kỳ								
25. Khối lớp: DI2496A								
Lớp: DI2496A1								
1	B2405012	Lâm Thị Anh Thư	15	100	4	Xuất sắc	13.140.000	
Lớp: DI2496A2								
1	B2405059	Nguyễn Thị Thùy Trang	13	99	4	Xuất sắc	11.478.000	
2	B2405061	Trần Huỳnh Đức Trung	16	93	4	Xuất sắc	14.196.000	
Cộng khối:							**38.814.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.426.580 đồng/học kỳ								
26. Khối lớp: DI24D1A								
Lớp: DI24D1A2								
1	B2405441	Nguyễn Văn Hậu	16	90	3.94	Xuất sắc	12.600.000	
2	B2405447	Trần Hữu Lý	16	92	3.91	Xuất sắc	12.600.000	
3	B2405451	Võ Huỳnh Ngân	14	100	3.89	Xuất sắc	11.016.000	
4	B2405465	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	14	97	3.93	Xuất sắc	11.088.000	
Cộng khối:							**47.304.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 47.821.500 đồng/học kỳ								
27. Khối lớp: DI24D2A								
Lớp: DI24D2A1								
1	B2405481	Đinh Nam Anh	14	97	3.92	Xuất sắc	12.234.000	
2	B2405491	Bùi Văn Duy	13	100	3.88	Xuất sắc	11.478.000	
3	B2405542	Phạm Huỳnh Mai Trinh	13	95	4	Xuất sắc	11.478.000	
Cộng khối:							**35.190.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.740.320 đồng/học kỳ								
28. Khối lớp: DI24T9A								
Lớp: DI24T9A1								
1	B2407566	Dương Thị Kim Yến	12	100	3.75	Xuất sắc	10.572.000	
Lớp: DI24T9A2								
1	B2407571	Bùi Nhựt Duy	12	90	3.64	Xuất sắc	10.422.000	
2	B2407594	Bạch Thái Nhựt	12	95	4	Xuất sắc	10.872.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
3	B2407604	Võ Trần Duy Thường	16	91	3.63	Xuất sắc	14.496.000	
Cộng khối:							**46.362.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 48.427.200 đồng/học kỳ								
29. Khối lớp: DI24V7A								
Lớp: DI24V7A1								
1	B2408805	Đặng Thị Hồng Ngọc	14	100	4	Xuất sắc	12.234.000	
2	B2408828	Nguyễn Minh Triển	16	95	3.91	Xuất sắc	14.196.000	
3	B2408830	Lê Nhã Trúc	15	100	4	Xuất sắc	13.290.000	
Lớp: DI24V7A2								
1	B2408874	Lê Thị Thúy Quỳnh	16	100	4	Xuất sắc	14.196.000	
Cộng khối:							**53.916.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 55.814.551 đồng/học kỳ								
30. Khối lớp: DI24Z6A								
Lớp: DI24Z6A1								
1	B2410681	Võ Hoàng Luân	12	100	4	Xuất sắc	10.872.000	
2	B2410694	Phan Lê Hoàng Quí	12	93	4	Xuất sắc	10.872.000	
Lớp: DI24Z6A2								
1	B2410719	Trần Minh Hiển	16	97	3.9	Xuất sắc	14.046.000	
2	B2410741	Châu Thành Phát	17	98	4	Xuất sắc	15.102.000	
Cộng khối:							**50.892.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 52.724.376 đồng/học kỳ								
31. Khối lớp: DI2595A								
Lớp: DI2595A1								
1	B2504797	Trần Quang Huy	15	95	3.93	Xuất sắc	13.290.000	
Lớp: DI2595A2								
1	B2504840	Nguyễn Minh Kha	12	99	3.88	Xuất sắc	10.572.000	
2	B2504861	Đoàn Huỳnh Nhã Trân	19	94	3.84	Xuất sắc	16.914.000	
Cộng khối:							**40.776.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 43.001.215 đồng/học kỳ								
32. Khối lớp: DI2596A								
Lớp: DI2596A1								
1	B2504914	Hồ Ngọc Duyên	17	100	4	Xuất sắc	14.502.000	
2	B2504928	Nguyễn Tuấn Minh	15	97	4	Xuất sắc	12.990.000	
3	B2504950	Nguyễn Thế Vinh	13	100	4	Xuất sắc	10.878.000	
Lớp: DI2596A2								
1	B2504957	Nguyễn Cao Kỳ Duyên	14	97	4	Xuất sắc	12.084.000	
Cộng khối:							**50.454.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 50.849.770 đồng/học kỳ								
33. Khối lớp: DI25D1A								
Lớp: DI25D1A1								
1	B2505405	Nguyễn Thị Kim Kiều	14	98	3.85	Xuất sắc	10.980.000	
2	B2505407	Nguyễn Văn Lộc	14	97	3.88	Xuất sắc	10.980.000	
3	B2505419	Nguyễn Thị Kim Phượng	14	100	3.92	Xuất sắc	10.980.000	
4	B2505431	Phạm Thị Anh Thư	13	90	3.92	Xuất sắc	10.224.000	
Lớp: DI25D1A2								
1	B2505490	Huỳnh Phúc Thịnh	13	98	3.85	Xuất sắc	10.224.000	
Cộng khối:							**53.388.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 56.159.734 đồng/học kỳ								
34. Khối lớp: DI25D2A								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Lớp: DI25D2A1								
1	B2505535	Nguyễn Khôi Nguyên	15	95	4	Xuất sắc	12.840.000	
2	B2505547	Trần Hữu Thắng	16	100	4	Xuất sắc	13.596.000	
Cộng khối:							**26.436.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.662.120 đồng/học kỳ								
35. Khối lớp: DI25D6A								
Lớp: DI25D6A1								
1	B2505834	Võ Nguyên Khang	15	100	4	Xuất sắc	12.990.000	
2	B2505842	Nguyễn Phúc Lộc	14	90	4	Xuất sắc	11.934.000	
3	B2505859	Huỳnh Gia Phú	13	98	4	Xuất sắc	11.478.000	
Cộng khối:							**36.402.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.164.360 đồng/học kỳ								
36. Khối lớp: DI25T9A								
Lớp: DI25T9A1								
1	B2508380	Nguyễn Minh Trang	13	97	3.75	Xuất sắc	11.328.000	
Lớp: DI25T9A2								
1	B2508400	Nguyễn Trần Anh Kiệt	12	100	3.91	Xuất sắc	10.422.000	
2	B2508401	Nguyễn Huỳnh Hoàn Kim	12	80	3.67	Giỏi	9.691.000	
3	B2508404	Nguyễn Thị Huỳnh Mai	14	85	3.77	Giỏi	10.939.500	
Cộng khối:							**42.380.500**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 42.575.760 đồng/học kỳ								
37. Khối lớp: DI25V7A								
Lớp: DI25V7A1								
1	B2509688	Đào Minh Nhựt	14	97	4	Xuất sắc	11.934.000	
Lớp: DI25V7A2								
1	B2509734	Võ Trương Trung Kiên	14	93	4	Xuất sắc	12.234.000	
2	B2509753	Trần Duy Phát	15	92	3.9	Xuất sắc	12.990.000	
3	B2509755	Phạm Trường Phục	12	94	4	Xuất sắc	12.084.000	
4	B2509757	Bùi Anh Quốc	14	90	4	Xuất sắc	11.934.000	
Cộng khối:							**61.176.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 59.223.600 đồng/học kỳ								
38. Khối lớp: DI25Z6A								
Lớp: DI25Z6A1								
1	B2511648	Trịnh Phan Thiên Ân	15	100	4	Xuất sắc	12.990.000	
Lớp: DI25Z6A2								
1	B2511696	Nguyễn Thái Dương	13	97	3.92	Xuất sắc	10.728.000	
2	B2511712	Hoàng Đình Nguyên	13	100	3.92	Xuất sắc	11.328.000	
3	B2511730	Trần Thúy Vy	17	100	4	Xuất sắc	14.352.000	
Cộng khối:							**49.398.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 46.260.000 đồng/học kỳ								
39. Khối lớp: FL23V1A								
Lớp: FL23V1A1								
1	B2306108	Nguyễn Thanh Danh	13	95	4	Xuất sắc	10.296.000	
2	B2306138	Phạm Phúc Tài	13	95	4	Xuất sắc	10.296.000	
Cộng khối:							**20.592.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.130.051 đồng/học kỳ								
40. Khối lớp: FL23X1A								
Lớp: FL23X1A1								
1	B2307536	Lê Hồng Đức	13	100	4	Xuất sắc	9.828.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
2	B2307564	Lương Lâm Phi Yến	13	100	4	Xuất sắc	9.828.000	
Lớp: FL23X1A2								
1	B2307591	Nguyễn Minh Tâm	13	100	4	Xuất sắc	9.828.000	
Cộng khối:							**29.484.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.049.496 đồng/học kỳ								
41. Khối lớp: FL23X2A								
Lớp: FL23X2A1								
1	B2307613	Nguyễn Bảo Ngọc	14	95	3.82	Xuất sắc	10.584.000	
Cộng khối:							**10.584.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.578.376 đồng/học kỳ								
42. Khối lớp: FL23Z8A								
Lớp: FL23Z8A1								
1	B2306144	Lê Anh Thư	14	97	3.86	Xuất sắc	11.088.000	
Cộng khối:							**11.088.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.616.800 đồng/học kỳ								
43. Khối lớp: FL23Z9A								
Lớp: FL23Z9A1								
1	B2308429	Trần Hồng Ngọc	12	97	3.83	Xuất sắc	9.432.000	
Cộng khối:							**9.432.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 7.961.184 đồng/học kỳ								
44. Khối lớp: FL24V1A								
Lớp: FL24V1A1								
1	B2408139	Hồ Thị Hậu	13	93	4	Xuất sắc	10.188.000	
2	B2408151	Trịnh Hoàng Minh	15	100	3.93	Xuất sắc	11.808.000	
3	B2408308	Lê Phúc Gia Bảo	16	94	4	Xuất sắc	12.456.000	
Lớp: FL24V1A2								
1	B2408211	Đỗ Hoàng Nam	13	100	3.92	Xuất sắc	10.188.000	
2	B2408238	Nguyễn Nhựt Trường	15	100	3.93	Xuất sắc	11.700.000	
Lớp: FL24V1A3								
1	B2408281	Vũ Đặng Thảo Như	13	95	4	Xuất sắc	10.116.000	
2	B2408297	Nguyễn Thị Đình Tuệ	16	92	4	Xuất sắc	12.456.000	
Cộng khối:							**78.912.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 77.532.113 đồng/học kỳ								
45. Khối lớp: FL24X1A								
Lớp: FL24X1A1								
1	B2409894	Hồ Phạm Yến Nhi	14	100	3.93	Xuất sắc	10.584.000	
2	B2409907	Trần Duy Thái	15	100	4	Xuất sắc	11.340.000	
3	B2409909	Nguyễn Thanh Thành	15	100	3.93	Xuất sắc	11.340.000	
Lớp: FL24X1A2								
1	B2409923	Trang Quốc An	16	100	4	Xuất sắc	12.096.000	
Cộng khối:							**45.360.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 45.311.472 đồng/học kỳ								
46. Khối lớp: FL24X2A								
Lớp: FL24X2A1								
1	B2409990	Đoàn Thị Ngọc Tú	13	100	4	Xuất sắc	9.828.000	
Cộng khối:							**9.828.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.584.680 đồng/học kỳ								
47. Khối lớp: FL24Z8A								
Lớp: FL24Z8A1								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
1	B2408180	Võ Nguyên Tùng	16	100	4	Xuất sắc	12.564.000	
Cộng khối:							**12.564.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.514.008 đồng/học kỳ								
48. Khối lớp: FL24Z9A								
Lớp: FL24Z9A2								
1	B2410823	Châu Khánh Linh	13	100	3.85	Xuất sắc	10.224.000	
2	B2410825	Nguyễn Xuân Mai	12	100	3.91	Xuất sắc	9.396.000	
3	B2410832	Nguyễn Kim Bình Nguyên	12	100	3.91	Xuất sắc	9.396.000	
Cộng khối:							**29.016.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.684.768 đồng/học kỳ								
49. Khối lớp: FL25V1A								
Lớp: FL25V1A2								
1	B2509019	Đàm Ngọc Châu Đoan	13	97	4	Xuất sắc	10.224.000	
2	B2509062	Trần Thị Kim Tường	14	90	4	Xuất sắc	10.872.000	
Lớp: FL25V1A3								
1	B2509069	Đặng Ngọc Trâm Anh	14	92	4	Xuất sắc	10.872.000	
2	B2509073	Nguyễn Gia Bảo	14	92	4	Xuất sắc	10.872.000	
3	B2509080	Tăng Gia Hân	14	92	4	Xuất sắc	10.872.000	
4	B2509107	Võ Nhã Phương	14	95	4	Xuất sắc	10.872.000	
Lớp: FL25V1A4								
1	B2509149	Trần Hữu Lộc	15	95	4	Xuất sắc	11.628.000	
2	B2509153	Nguyễn Nhật Nam	17	100	3.94	Xuất sắc	13.248.000	
3	B2509155	Lý Vịnh Nghi	15	95	3.97	Xuất sắc	11.664.000	
4	B2509163	Quách Huỳnh Như	15	94	4	Xuất sắc	11.736.000	
Cộng khối:							**112.860.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 112.084.862 đồng/học kỳ								
50. Khối lớp: FL25X1A								
Lớp: FL25X1A1								
1	B2510810	Nguyễn Đoàn Phương Linh	14	100	4	Xuất sắc	10.584.000	
Lớp: FL25X1A2								
1	B2510851	Bá Nguyễn Bạch Hải	12	100	4	Xuất sắc	9.072.000	
2	B2510856	Bùi Anh Khoa	17	100	4	Xuất sắc	12.852.000	
3	B2510876	Nguyễn Hoàng Minh Thơ	14	100	4	Xuất sắc	10.584.000	
Cộng khối:							**43.092.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 47.791.368 đồng/học kỳ								
51. Khối lớp: FL25X2A								
Lớp: FL25X2A1								
1	B2510922	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	15	100	3.93	Xuất sắc	11.340.000	
Cộng khối:							**11.340.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 14.150.088 đồng/học kỳ								
52. Khối lớp: FL25Z8A								
Lớp: FL25Z8A1								
1	B2509088	Huỳnh Nguyễn Yến Linh	13	92	4	Xuất sắc	10.224.000	
Cộng khối:							**10.224.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.327.828 đồng/học kỳ								
53. Khối lớp: FL25Z9A								
Lớp: FL25Z9A1								
1	B2511765	Nguyễn Vũ Lan Quyên	13	92	3.88	Xuất sắc	10.044.000	
2	B2511772	Võ Thị Tố Tố	14	97	3.77	Xuất sắc	10.800.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Lớp: FL25Z9A2								
1	B2511814	Nguyễn Tấn Tài	17	100	3.75	Xuất sắc	13.176.000	
Cộng khối:							**34.020.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.915.920 đồng/học kỳ								
54. Khối lớp: HG22V7A								
Lớp: HG22V7A1								
1	B2205925	Nguyễn Nhựt Anh	16	67	4	Khá	11.955.000	
Cộng khối:							**11.955.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 12.576.096 đồng/học kỳ								
55. Khối lớp: HG2323A								
Lớp: HG2323A1								
1	B2301605	Nguyễn Thị Minh Thư	13	96	3.19	Khá	8.490.000	
Lớp: HG2323A2								
1	B2301579	Huỳnh Nguyễn Nhi	13	67	3.38	Khá	8.580.000	
Cộng khối:							**17.070.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.191.585 đồng/học kỳ								
56. Khối lớp: HG2363A								
Lớp: HG2363A1								
1	B2301959	Phan Thanh Dương	13	90	4	Xuất sắc	10.260.000	
2	B2301987	Huỳnh Duy Nguyễn	12	92	3.42	Giỏi	8.712.000	
3	B2302004	Nguyễn Tiến Sỹ	12	83	3.5	Giỏi	8.613.000	
Cộng khối:							**27.585.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.263.459 đồng/học kỳ								
57. Khối lớp: HG23U7A								
Lớp: HG23U7A2								
1	B2305945	Trần Tuệ Khương	20	83	2.85	Khá	12.960.000	
2	B2305968	Lê Công Thuận	18	75	3.08	Khá	11.880.000	
Cộng khối:							**24.840.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.971.577 đồng/học kỳ								
58. Khối lớp: HG23V1A								
Lớp: HG23V1A1								
1	B2306176	Nguyễn Thuận Phát	13	100	4	Xuất sắc	10.296.000	
Cộng khối:							**10.296.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 13.068.000 đồng/học kỳ								
59. Khối lớp: HG23V7A								
Lớp: HG23V7A1								
1	B2306637	Võ Trọng Phúc	15	93	3.9	Xuất sắc	13.590.000	
Cộng khối:							**13.590.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.402.840 đồng/học kỳ								
60. Khối lớp: HG2422A								
Lớp: HG2422A1								
1	B2401727	Lê Thị Vân Anh	13	94	3.71	Xuất sắc	10.260.000	
2	B2401793	Dương Thị Kim Vy	13	95	3.92	Xuất sắc	10.188.000	
3	B2401799	Lê Thị Như Ý	12	94	3.88	Xuất sắc	9.504.000	
Cộng khối:							**29.952.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.876.832 đồng/học kỳ								
61. Khối lớp: HG2423A								
Lớp: HG2423A1								
1	B2402119	Nguyễn Ngọc Hảo	18	100	3.53	Giỏi	13.002.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
2	B2402140	Trần Trung Kiên	14	100	3.54	Giỏi	10.065.000	
3	B2402166	Võ Thị Ánh Ngọc	14	88	3.46	Giỏi	10.065.000	
Lớp: HG2423A2								
1	B2402108	Nguyễn Tuấn Duy	13	91	3.71	Xuất sắc	10.152.000	
Cộng khối:							**43.284.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 43.835.789 đồng/học kỳ								
62. Khối lớp: HG2463A								
Lớp: HG2463A1								
1	B2403072	Lê Thị Lài	15	91	3.64	Xuất sắc	11.844.000	
Lớp: HG2463A2								
1	B2403117	Lê Trung Hưng	15	95	3.6	Xuất sắc	11.880.000	
2	B2403145	Đặng Thị Anh Thư	15	94	3.7	Xuất sắc	11.880.000	
Cộng khối:							**35.604.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.395.480 đồng/học kỳ								
63. Khối lớp: HG24N2A								
Lớp: HG24N2A1								
1	B2405986	Đỗ Thị Tuyết Nhi	16	100	4	Xuất sắc	12.672.000	
Cộng khối:							**12.672.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.519.456 đồng/học kỳ								
64. Khối lớp: HG24U7A								
Lớp: HG24U7A1								
1	B2407938	Trần Xuân Diệu	16	98	3.75	Xuất sắc	12.600.000	
2	B2407993	Trần Quang Vinh	13	97	3.69	Xuất sắc	10.224.000	
Cộng khối:							**22.824.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.139.176 đồng/học kỳ								
65. Khối lớp: HG24V1A								
Lớp: HG24V1A1								
1	B2408365	Ngô Trường An	13	100	3.77	Xuất sắc	10.116.000	
2	B2408370	Trần Minh Duy	13	98	3.85	Xuất sắc	10.116.000	
3	B2408385	Nguyễn Kim Khôi	12	98	3.82	Xuất sắc	9.360.000	
Cộng khối:							**29.592.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.631.712 đồng/học kỳ								
66. Khối lớp: HG24V7A								
Lớp: HG24V7A1								
1	B2408928	Trương Duy Quý	14	91	3.68	Xuất sắc	12.384.000	
2	B2408939	Trần Cao Anh Võ	14	93	3.57	Giỏi	11.352.000	
Cộng khối:							**23.736.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.998.720 đồng/học kỳ								
67. Khối lớp: HG2522A								
Lớp: HG2522A1								
1	B2501767	Nguyễn Phương Thanh Vy	14	87	3.86	Giỏi	9.900.000	
2	B2501772	Huỳnh Mỹ Xuyên	14	95	3.75	Xuất sắc	10.800.000	
Cộng khối:							**20.700.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.091.266 đồng/học kỳ								
68. Khối lớp: HG2523A								
Lớp: HG2523A1								
1	B2502284	Lê Khánh Du	14	88	3.57	Giỏi	9.900.000	
Cộng khối:							**9.900.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 14.329.440 đồng/học kỳ								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
69. Khối lớp: HG2563A								
Lớp: HG2563A1								
1	B2503154	Võ Trọng Nhân	14	90	3.86	Xuất sắc	10.728.000	
Lớp: HG2563A2								
1	B2503194	Nguyễn Thành Long	14	99	3.79	Xuất sắc	10.728.000	
2	B2503200	Lê Phạm Như Ngọc	14	90	3.71	Xuất sắc	10.728.000	
Cộng khối:							**32.184.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.633.280 đồng/học kỳ								
70. Khối lớp: HG25N2A								
Lớp: HG25N2A1								
1	B2506698	Nguyễn Kim Ngân	16	93	3.75	Xuất sắc	12.240.000	
2	B2506721	Nguyễn Minh Tiến	16	93	3.81	Xuất sắc	12.240.000	
Cộng khối:							**24.480.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.983.694 đồng/học kỳ								
71. Khối lớp: HG25U7A								
Lớp: HG25U7A1								
1	B2508850	Dương Thị Điểm	15	87	3.57	Giỏi	10.560.000	
2	B2508863	Nguyễn Lê Kim Ngân	15	92	3.73	Xuất sắc	11.520.000	
Cộng khối:							**22.080.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.306.296 đồng/học kỳ								
72. Khối lớp: HG25V1A								
Lớp: HG25V1A1								
1	B2509240	Phan Phương Thoại	16	100	3.94	Xuất sắc	12.168.000	
2	B2509254	Phạm Thị Tường Vy	16	92	3.88	Xuất sắc	12.168.000	
Cộng khối:							**24.336.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.519.063 đồng/học kỳ								
73. Khối lớp: HG25V7A								
Lớp: HG25V7A1								
1	B2509784	Sơn Phước Đạt	17	87	3.82	Giỏi	12.743.500	
2	B2509806	Ngô Thành Phố	17	100	3.68	Xuất sắc	13.902.000	
Cộng khối:							**26.645.500**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.520.346 đồng/học kỳ								
74. Khối lớp: KH2369A								
Lớp: KH2369A1								
1	B2302784	Lê Tấn Tài	15	95	3.67	Xuất sắc	12.120.000	
Lớp: KH2369A2								
1	B2302814	Đỗ Ngọc Ngân	17	86	3.62	Giỏi	12.606.000	
Cộng khối:							**24.726.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.924.992 đồng/học kỳ								
75. Khối lớp: KH2389A								
Lớp: KH2389A1								
1	B2303537	Nguyễn Phước Nhàn	12	97	4	Xuất sắc	10.872.000	
Lớp: KH2389A2								
1	B2303559	Đoàn Công Danh	12	97	4	Xuất sắc	10.872.000	
2	B2303578	Trần Phúc Minh	15	100	4	Xuất sắc	13.590.000	
Cộng khối:							**35.334.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.170.792 đồng/học kỳ								
76. Khối lớp: KH2394A								
Lớp: KH2394A1								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
1	B2303729	Phạm Thị Tố Uyên	12	91	3.92	Xuất sắc	9.792.000	
Cộng khối:							**9.792.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.908.640 đồng/học kỳ								
77. Khối lớp: KH23D3A								
Lớp: KH23D3A1								
1	B2304105	Trần Hồ Bảo Hân	13	99	4	Xuất sắc	11.778.000	
2	B2304113	Đoàn Kim Ngân	17	98	4	Xuất sắc	15.402.000	
3	B2304121	Nguyễn Thị Kim Nhung	14	97	4	Xuất sắc	12.684.000	
Lớp: KH23D3A2								
1	B2302187	Nguyễn Hứa Thiện Tâm	14	97	4	Xuất sắc	12.684.000	
Cộng khối:							**52.548.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 42.103.800 đồng/học kỳ								
78. Khối lớp: KH23T3A								
Lớp: KH23T3A1								
1	B2304948	Trần Thúy Diệu	15	97	4	Xuất sắc	13.440.000	
2	B2304962	Nguyễn Thị Hằng Nga	12	100	4	Xuất sắc	10.872.000	
Lớp: KH23T3A2								
1	B2304995	Trần Tấn Điền	13	95	4	Xuất sắc	11.328.000	
2	B2305001	Lê Quốc Huy	13	95	4	Xuất sắc	11.628.000	
Cộng khối:							**47.268.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.736.460 đồng/học kỳ								
79. Khối lớp: KH23U1A								
Lớp: KH23U1A1								
1	B2305663	Ngô Nguyễn Bảo Trân	13	97	3.81	Xuất sắc	11.778.000	
Cộng khối:							**11.778.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.450.194 đồng/học kỳ								
80. Khối lớp: KH2469A								
Lớp: KH2469A1								
1	B2403768	Danh Bình Nhưỡng	15	100	3.89	Xuất sắc	12.060.000	
2	B2403784	Nguyễn Bích Trân	13	92	3.85	Xuất sắc	10.488.000	
Lớp: KH2469A2								
1	B2403820	Phạm Thị Ngọc Mai	16	100	4	Xuất sắc	12.936.000	
2	B2403842	Trần Quang Thắng	13	97	3.85	Xuất sắc	10.488.000	
Cộng khối:							**45.972.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 48.712.032 đồng/học kỳ								
81. Khối lớp: KH2489A								
Lớp: KH2489A1								
1	B2404590	Lê Lan Đài	13	97	4	Xuất sắc	11.778.000	
2	B2404595	Nguyễn Thị Diễm Hồng	13	97	4	Xuất sắc	11.778.000	
3	B2404610	Phan Trần Trí Nguyên	16	100	4	Xuất sắc	14.496.000	
Lớp: KH2489A2								
1	B2404675	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	14	97	4	Xuất sắc	12.684.000	
Cộng khối:							**50.736.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 54.008.856 đồng/học kỳ								
82. Khối lớp: KH2494A								
Lớp: KH2494A1								
1	B2404773	Nguyễn Thị Loan Em	14	100	3.92	Xuất sắc	11.244.000	
2	B2404796	Trần Thúy Quyên	12	92	3.83	Xuất sắc	9.672.000	
Lớp: KH2494A2								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
1	B2404845	Nguyễn Lê Minh Tuyết	13	97	3.67	Xuất sắc	10.308.000	
Cộng khối:							**31.224.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.752.284 đồng/học kỳ								
83. Khối lớp: KH24D3A								
Lớp: KH24D3A1								
1	B2405595	Mai Khánh Vân	14	97	3.86	Xuất sắc	12.384.000	
Lớp: KH24D3A2								
1	B2405613	Lê Thị Diệu Hiền	15	97	3.8	Xuất sắc	13.590.000	
2	B2405629	Nguyễn Thị Tâm Như	14	100	3.93	Xuất sắc	12.384.000	
Cộng khối:							**38.358.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.247.652 đồng/học kỳ								
84. Khối lớp: KH24T3A								
Lớp: KH24T3A1								
1	B2406767	Mai Định Huy	13	98	4	Xuất sắc	11.328.000	
Lớp: KH24T3A2								
1	B2406827	Trần Hồng Minh	13	97	4	Xuất sắc	11.328.000	
2	B2406841	Lê Ngọc Thiên Thảo	14	98	4	Xuất sắc	12.384.000	
3	B2406851	Võ Hiếu Văn	12	100	4	Xuất sắc	10.572.000	
Cộng khối:							**45.612.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 48.364.574 đồng/học kỳ								
85. Khối lớp: KH24U1A								
Lớp: KH24U1A1								
1	B2407641	Lê Thị Yến Nhi	13	97	3.81	Xuất sắc	11.778.000	
2	B2407664	Lê Chí Vĩ	15	90	3.7	Xuất sắc	13.290.000	
Cộng khối:							**25.068.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.142.004 đồng/học kỳ								
86. Khối lớp: KH2569A								
Lớp: KH2569A1								
1	B2503776	Ngô Lê Tấn Đạt	16	100	3.78	Xuất sắc	12.456.000	
2	B2503786	Lê Ngọc Ngân Kim	16	100	3.75	Xuất sắc	12.456.000	
3	B2503787	Nguyễn Hoàng Long	16	90	3.84	Xuất sắc	12.456.000	
4	B2503806	Võ Văn Quý	16	90	3.88	Xuất sắc	12.456.000	
5	B2503811	Huỳnh Minh Thắng	16	98	3.75	Xuất sắc	12.456.000	
Cộng khối:							**62.280.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 59.781.744 đồng/học kỳ								
87. Khối lớp: KH2589A								
Lớp: KH2589A1								
1	B2504528	Bùi Trang Nhung	12	92	3.92	Xuất sắc	9.372.000	
Lớp: KH2589A2								
1	B2504562	Thái Đoàn Minh Hiếu	12	100	3.83	Xuất sắc	9.372.000	
2	B2504570	Phạm Hoàng Minh	12	97	3.83	Xuất sắc	9.372.000	
3	B2504586	Võ Ngọc Thư	12	98	3.83	Xuất sắc	9.372.000	
Cộng khối:							**37.488.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 39.453.120 đồng/học kỳ								
88. Khối lớp: KH2594A								
Lớp: KH2594A1								
1	B2504689	Hà Gia Bảo	12	95	3.92	Xuất sắc	9.192.000	
2	B2504700	Lê Hoàng Khiêm	12	100	3.83	Xuất sắc	9.192.000	
Lớp: KH2594A2								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
1	B2504770	Phan Ngọc Thư	12	100	3.92	Xuất sắc	9.192.000	
2	B2504777	Nguyễn Ngọc Vàng	12	100	3.83	Xuất sắc	9.192.000	
Cộng khối:							**36.768.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.230.560 đồng/học kỳ								
89. Khối lớp: KH25D3A								
Lớp: KH25D3A1								
1	B2505572	Lâm Nhựt Duy	12	96	3.83	Xuất sắc	9.372.000	
2	B2505598	Nguyễn Thị Phương Thảo	12	100	3.83	Xuất sắc	9.372.000	
Lớp: KH25D3A2								
1	B2505630	Huỳnh Như Huỳnh	12	100	3.83	Xuất sắc	9.372.000	
2	B2505635	Nguyễn Bé My	12	99	3.92	Xuất sắc	9.372.000	
Cộng khối:							**37.488.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.048.800 đồng/học kỳ								
90. Khối lớp: KH25T3A								
Lớp: KH25T3A1								
1	B2507477	Ngô Quốc Khánh	13	95	3.92	Xuất sắc	10.578.000	
2	B2507482	Nguyễn Ngọc Phương Mai	13	100	3.92	Xuất sắc	10.578.000	
3	B2507503	Mã Thị Thanh Thư	13	90	3.85	Xuất sắc	10.578.000	
Lớp: KH25T3A2								
1	B2507536	Huỳnh Thanh Kim	13	97	3.85	Xuất sắc	10.578.000	
2	B2507544	Nguyễn Kiều Ngân	13	97	3.73	Xuất sắc	10.578.000	
Cộng khối:							**52.890.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 54.905.803 đồng/học kỳ								
91. Khối lớp: KH25U1A								
Lớp: KH25U1A1								
1	B2508480	Đặng Minh Kha	13	92	3.92	Xuất sắc	10.278.000	
2	B2508490	Trần Nhật Nam	12	97	3.92	Xuất sắc	9.372.000	
3	B2508494	Trần Thái Ngọc	12	94	3.92	Xuất sắc	9.372.000	
Cộng khối:							**29.022.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.268.460 đồng/học kỳ								
92. Khối lớp: KT2320A								
Lớp: KT2320A1								
1	B2300945	Trần Xuân Ngọc	12	100	3.83	Xuất sắc	9.504.000	
2	B2300967	Vương Quốc Thống	12	100	3.83	Xuất sắc	9.504.000	
3	B2300985	Nguyễn Thị Hải Yến	12	95	3.79	Xuất sắc	9.504.000	
Cộng khối:							**28.512.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.425.983 đồng/học kỳ								
93. Khối lớp: KT2321A								
Lớp: KT2321A1								
1	B2300989	Lê Tuấn Anh	14	100	3.88	Xuất sắc	11.052.000	
2	B2300996	Trần Nguyễn Khánh Duy	13	95	3.88	Xuất sắc	10.260.000	
3	B2301047	Võ Ngọc Trúc	12	95	3.88	Xuất sắc	9.432.000	
Cộng khối:							**30.744.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.344.630 đồng/học kỳ								
94. Khối lớp: KT2322A								
Lớp: KT2322A1								
1	B2301131	Nguyễn Thành An	14	100	3.89	Xuất sắc	11.088.000	
2	B2301169	Nguyễn Hữu Tạo	12	100	4	Xuất sắc	9.468.000	
Lớp: KT2322A2								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
1	B2301196	Võ Quốc Hào	13	98	4	Xuất sắc	10.224.000	
2	B2301228	Lê Thị Thanh Thúy	12	100	3.86	Xuất sắc	9.468.000	
Cộng khối:							**40.248.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.985.178 đồng/học kỳ								
95. Khối lớp: KT2323A								
Lớp: KT2323A2								
1	B2301454	Nguyễn Kiều Trâm Anh	19	96	3.71	Xuất sắc	15.048.000	
2	B2301495	Trần Phạm Ngọc Nhi	14	85	3.61	Giỏi	10.164.000	
3	B2301525	Đỗ Hồng Yên	12	81	3.63	Giỏi	8.712.000	
4	B2308191	Phan Trung Kiên	16	92	3.84	Xuất sắc	12.672.000	
Cộng khối:							**46.596.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 45.234.209 đồng/học kỳ								
96. Khối lớp: KT2345A								
Lớp: KT2345A1								
1	B2302155	Đặng Thị Ngọc Hiền	17	87	3.65	Giỏi	12.342.000	
2	B2302161	Phạm Thị Cẩm Hường	12	95	3.79	Xuất sắc	9.504.000	
Cộng khối:							**21.846.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.391.409 đồng/học kỳ								
97. Khối lớp: KT2390A								
Lớp: KT2390A1								
1	B2303639	Trần Ngọc Tú	14	98	3.93	Xuất sắc	11.088.000	
2	B2303642	Lâm Thảo Vy	14	94	3.71	Xuất sắc	11.088.000	
Cộng khối:							**22.176.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.572.536 đồng/học kỳ								
98. Khối lớp: KT23V5A								
Lớp: KT23V5A1								
1	B2306304	Lê Ngọc Gia Hân	12	91	3.67	Xuất sắc	9.504.000	
2	B2306329	Nguyễn Huỳnh Như	15	95	3.73	Xuất sắc	11.880.000	
3	B2306359	Huỳnh Thái Vỹ	15	86	3.73	Giỏi	10.890.000	
Cộng khối:							**32.274.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.320.358 đồng/học kỳ								
99. Khối lớp: KT23W1A								
Lớp: KT23W1A1								
1	B2306826	Nguyễn Thị Kiều Nga	13	100	3.92	Xuất sắc	10.296.000	
2	B2306845	Lê Phương Vy	13	90	3.88	Xuất sắc	10.296.000	
Lớp: KT23W1A2								
1	B2306872	Nguyễn Trần Phúc Nguyên	13	100	3.81	Xuất sắc	10.296.000	
Cộng khối:							**30.888.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.034.808 đồng/học kỳ								
100. Khối lớp: KT23W2A								
Lớp: KT23W2A1								
1	C2300145	Dương Quốc Khan	14	67	3.64	Khá	9.240.000	
Cộng khối:							**9.240.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.097.430 đồng/học kỳ								
101. Khối lớp: KT23W3A								
Lớp: KT23W3A1								
1	B2307046	Võ Kim Ngân	16	80	3.56	Giỏi	11.616.000	
Lớp: KT23W3A2								
1	B2307106	Mã Thị Thi Thơ	14	92	3.68	Xuất sắc	11.088.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
2	B2307107	Nguyễn Trần Trí Thức	13	89	3.54	Giỏi	9.438.000	
Cộng khối:							**32.142.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.095.366 đồng/học kỳ								
102. Khối lớp: KT23W4A								
Lớp: KT23W4A1								
1	B2307137	Lê Thị Mãn	12	98	4	Xuất sắc	9.468.000	
2	B2307144	Huỳnh Thu Ngọc	12	98	4	Xuất sắc	9.504.000	
Lớp: KT23W4A2								
1	B2307185	Trần Kim Ngân	12	100	3.96	Xuất sắc	9.504.000	
Cộng khối:							**28.476.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.200.234 đồng/học kỳ								
103. Khối lớp: KT2420A								
Lớp: KT2420A1								
1	B2401298	Lê Trần Bảo Tuyền	15	100	3.8	Xuất sắc	11.808.000	
Lớp: KT2420A2								
1	B2401321	Hồ Thị Trúc Giang	13	95	3.88	Xuất sắc	10.224.000	
2	B2401362	Đoàn Thị Thanh Thảo	14	98	3.93	Xuất sắc	11.088.000	
Lớp: KT2420A3								
1	B2401276	Đào Hữu Tâm	16	91	3.93	Xuất sắc	12.564.000	
2	B2401361	Bùi Ngọc Lan Thanh	14	94	3.88	Xuất sắc	10.980.000	
Cộng khối:							**56.664.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 62.147.599 đồng/học kỳ								
104. Khối lớp: KT2421A								
Lớp: KT2421A1								
1	B2401410	Nguyễn Thiên Hương	14	92	3.81	Xuất sắc	11.052.000	
2	B2401444	Dương Thị Yến Vy	14	98	3.79	Xuất sắc	11.088.000	
Lớp: KT2421A2								
1	B2401452	Nguyễn Gia Bảo	18	100	3.91	Xuất sắc	14.220.000	
2	B2401494	Nguyễn Huỳnh Bảo Toàn	15	100	3.79	Xuất sắc	11.772.000	
3	B2401495	Vũ Thị Thùy Trang	13	98	3.81	Xuất sắc	10.224.000	
Cộng khối:							**58.356.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 55.054.325 đồng/học kỳ								
105. Khối lớp: KT2422A								
Lớp: KT2422A1								
1	B2401575	Nguyễn Thị Xuân Mai	13	90	3.92	Xuất sắc	10.188.000	
2	B2401601	Hồ Lê Bảo Trân	13	90	3.92	Xuất sắc	10.152.000	
Lớp: KT2422A2								
1	B2401633	Nguyễn Phú Lộc	16	95	3.91	Xuất sắc	12.600.000	
2	B2401655	Huỳnh Thị Anh Thơ	14	93	3.82	Xuất sắc	11.016.000	
Lớp: KT2422A3								
1	B2401671	Nguyễn Hữu Cảnh	13	98	3.83	Xuất sắc	10.188.000	
2	B2401675	Trần Thị Thùy Dương	13	93	3.88	Xuất sắc	10.188.000	
Cộng khối:							**64.332.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 63.625.032 đồng/học kỳ								
106. Khối lớp: KT2423A								
Lớp: KT2423A1								
1	B2401904	Huỳnh Thị Ngọc Hân	13	91	3.92	Xuất sắc	10.224.000	
2	B2401920	Nguyễn Thành Lộc	13	95	3.79	Xuất sắc	10.260.000	
3	B2401971	Trương Đình Trí	14	98	3.69	Xuất sắc	10.980.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Lớp: KT2423A2								
1	B2401993	Võ Thị Vân Anh	14	94	3.81	Xuất sắc	10.980.000	
2	B2402027	Nguyễn Ngọc Ngân	13	96	3.69	Xuất sắc	10.224.000	
3	B2402038	Đào Thị Nguyệt	16	91	3.77	Xuất sắc	12.636.000	
4	B2402039	Huỳnh Yến Nhi	14	91	3.73	Xuất sắc	10.980.000	
Cộng khối:							**76.284.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 79.354.368 đồng/học kỳ								
107. Khối lớp: KT2445A								
Lớp: KT2445A1								
1	B2402795	Trương Thị Kim Ngọc	14	93	4	Xuất sắc	11.052.000	
2	B2402811	Võ Thị Minh Thư	16	98	4	Xuất sắc	12.636.000	
Lớp: KT2445A2								
1	B2402838	Nguyễn Phan Gia Hân	12	98	4	Xuất sắc	9.432.000	
2	B2402847	Lê Huỳnh Yến Linh	13	95	3.92	Xuất sắc	10.188.000	
3	B2402869	Trương Huỳnh Như Thuận	13	100	4	Xuất sắc	10.224.000	
Cộng khối:							**53.532.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 51.511.255 đồng/học kỳ								
108. Khối lớp: KT2490A								
Lớp: KT2490A1								
1	B2404693	Đỗ Văn Lộc	13	95	4	Xuất sắc	10.188.000	
2	B2404703	Tiết Quỳnh Như	14	100	3.69	Xuất sắc	11.052.000	
Lớp: KT2490A2								
1	B2404769	Trần Ngọc Kiều Vy	13	95	3.88	Xuất sắc	10.296.000	
Cộng khối:							**31.536.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.727.600 đồng/học kỳ								
109. Khối lớp: KT24V5A								
Lớp: KT24V5A1								
1	B2408525	Đặng Thị Bình An	14	100	3.85	Xuất sắc	10.980.000	
Lớp: KT24V5A2								
1	B2401283	Nguyễn Phú Thịnh	14	94	3.92	Xuất sắc	10.980.000	
2	B2408573	Trịnh Hiền Đức	19	100	3.83	Xuất sắc	14.940.000	
Cộng khối:							**36.900.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.305.494 đồng/học kỳ								
110. Khối lớp: KT24W1A								
Lớp: KT24W1A1								
1	B2409200	Lê Thị Cẩm Bình	14	90	4	Xuất sắc	11.016.000	
2	B2409225	Trần Thị Tuyết Nhi	14	92	4	Xuất sắc	11.016.000	
3	B2409226	Trần Hửu Nhiệm	13	98	4	Xuất sắc	10.224.000	
4	B2409229	Nguyễn Trọng Phúc	18	93	3.94	Xuất sắc	14.184.000	
Cộng khối:							**46.440.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 41.362.704 đồng/học kỳ								
111. Khối lớp: KT24W2A								
Lớp: KT24W2A1								
1	B2409331	Nguyễn Thanh Thảo	14	97	3.89	Xuất sắc	11.016.000	
Lớp: KT24W2A2								
1	B2409376	Ngô Ngọc Ngà	15	98	4	Xuất sắc	11.808.000	
2	B2409406	Trần Tú Vân	14	96	4	Xuất sắc	11.052.000	
Cộng khối:							**33.876.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.128.270 đồng/học kỳ								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
112. Khối lớp: KT24W3A								
Lớp: KT24W3A1								
1	B2409463	Nguyễn Thị Lan Anh	13	92	4	Xuất sắc	10.260.000	
2	B2409481	Trần Thị Thảo My	15	100	4	Xuất sắc	11.772.000	
3	B2409484	Trần Thị Kim Ngân	15	100	4	Xuất sắc	11.772.000	
4	B2409511	La Ngọc Thúy Vy	14	95	4	Xuất sắc	11.052.000	
Cộng khối:							**44.856.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 48.304.627 đồng/học kỳ								
113. Khối lớp: KT24W4A								
Lớp: KT24W4A1								
1	B2409582	Trương Cao Kỳ Duyên	15	90	4	Xuất sắc	11.772.000	
2	B2409611	Trần Hồng Ngọc	16	94	3.94	Xuất sắc	12.600.000	
3	B2409626	Lê Hoàng Minh Thư	14	91	4	Xuất sắc	11.016.000	
Lớp: KT24W4A2								
1	B2409654	Đoàn Mỹ Đình	14	91	4	Xuất sắc	11.016.000	
2	B2409679	Lê Yến Ngọc	15	92	4	Xuất sắc	11.772.000	
Lớp: KT24W4A3								
1	B2409671	Lê Vũ Luân	16	100	4	Xuất sắc	12.528.000	
Cộng khối:							**70.704.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 67.512.528 đồng/học kỳ								
114. Khối lớp: KT2520A								
Lớp: KT2520A1								
1	B2501205	Hoàng Thị Triều An	15	94	3.9	Xuất sắc	11.736.000	
2	B2501230	Triệu Thị Thanh Ngân	12	91	4	Xuất sắc	9.468.000	
Lớp: KT2520A2								
1	B2501285	Đào Thị Thúy Ly	18	96	3.85	Xuất sắc	14.076.000	
2	B2501307	Trần Phước Thiện	15	95	3.83	Xuất sắc	11.808.000	
3	B2501316	Trần Ngọc Huỳnh Trân	13	90	3.92	Xuất sắc	10.224.000	
Cộng khối:							**57.312.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 54.194.314 đồng/học kỳ								
115. Khối lớp: KT2521A								
Lớp: KT2521A1								
1	B2501390	Lê Trần Phương Linh	12	96	3.91	Xuất sắc	9.396.000	
2	B2501420	Nguyễn Anh Thư	12	93	3.92	Xuất sắc	9.360.000	
3	B2501423	Huỳnh Lê Phúc Toàn	12	95	4	Xuất sắc	9.396.000	
Lớp: KT2521A2								
1	B2501471	Nguyễn Thành Tài	15	95	3.87	Xuất sắc	11.808.000	
2	B2501486	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	12	100	4	Xuất sắc	9.396.000	
Cộng khối:							**49.356.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 50.933.520 đồng/học kỳ								
116. Khối lớp: KT2522A								
Lớp: KT2522A1								
1	B2501539	Nguyễn Ngọc Y Bình	16	93	3.8	Xuất sắc	12.492.000	
2	B2501557	Nguyễn Thành Long	18	98	3.76	Xuất sắc	14.148.000	
Lớp: KT2522A2								
1	B2501614	Dương Ngọc Khánh Ngân	15	100	3.79	Xuất sắc	11.772.000	
Lớp: KT2522A3								
1	B2501683	Hứa Quang Tiếu Thiên	13	95	3.75	Xuất sắc	10.116.000	
2	B2501684	Trần Trường Thịnh	17	95	3.94	Xuất sắc	13.356.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
3	B2501697	Chung Thị Ngọc Yến	12	90	3.79	Xuất sắc	9.360.000	
Cộng khối:							**71.244.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 76.275.979 đồng/học kỳ								
117. Khối lớp: KT2523A								
Lớp: KT2523A1								
1	B2501892	Đỗ Thị Thùy Dương	12	86	3.33	Giỏi	8.646.000	
2	B2501898	Hồ Thành Điền	14	87	3.57	Giỏi	10.164.000	
3	B2501972	Nguyễn Yến Nhi	15	89	3.33	Giỏi	10.824.000	
4	B2502016	Lê Minh Thuận	13	87	3.31	Giỏi	9.306.000	
Lớp: KT2523A2								
1	B2502117	Nguyễn Gia Hân	14	85	3.36	Giỏi	10.032.000	
2	B2502159	Nguyễn Thị Kim Mỹ	12	88	3.88	Giỏi	8.712.000	
Lớp: KT2523A3								
1	B2501896	Nguyễn Phước Bảo Đạt	12	98	3.46	Giỏi	8.646.000	
2	B2501945	Mai Duy Mạnh	13	100	3.46	Giỏi	9.372.000	
Lớp: KT2523A4								
1	B2501953	Lâm Hồng Ngân	14	90	3.39	Giỏi	10.098.000	
2	B2502023	Trịnh Hà Minh Thư	13	83	3.58	Giỏi	9.273.000	
Lớp: KT2523A5								
1	B2502152	Nguyễn Tấn Lợi	12	90	3.58	Giỏi	8.580.000	
2	B2502188	Trần Quỳnh Như	13	93	3.58	Giỏi	9.273.000	
3	B2502210	Dương Công Thành	12	97	3.5	Giỏi	8.580.000	
4	B2502266	Nguyễn Danh Diễm Vy	13	83	3.5	Giỏi	9.438.000	
Lớp: KT2523A6								
1	B2502168	Bùi Minh Ngọc	12	84	3.33	Giỏi	8.646.000	
2	B2502268	Phan Thảo Vy	12	84	3.5	Giỏi	8.646.000	
Cộng khối:							**148.236.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 148.846.052 đồng/học kỳ								
118. Khối lớp: KT2545A								
Lớp: KT2545A1								
1	B2502582	Huỳnh Minh Hội	12	100	3.86	Xuất sắc	9.396.000	
2	B2502588	Lê Hoàng Kim	13	93	3.88	Xuất sắc	10.260.000	
3	B2502589	Trương Nguyễn Thị Hồng Lài	13	95	3.75	Xuất sắc	10.260.000	
4	B2502594	Cao Thị Hoàng Mỹ	13	100	3.75	Xuất sắc	10.260.000	
Lớp: KT2545A2								
1	B2502660	Võ Hồng Ngọc	14	98	3.89	Xuất sắc	11.016.000	
2	B2502684	Phan Quốc Trung	12	100	3.75	Xuất sắc	9.504.000	
Cộng khối:							**60.696.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 58.100.580 đồng/học kỳ								
119. Khối lớp: KT2590A								
Lớp: KT2590A1								
1	B2504637	Trần Thủy Trúc	14	90	3.69	Xuất sắc	10.908.000	
Lớp: KT2590A2								
1	B2504645	Võ Thị Minh Anh	12	98	3.68	Xuất sắc	9.324.000	
2	B2504655	Phạm Ngọc Khuê	13	85	3.75	Giỏi	9.273.000	
3	B2504661	Đỗ Gia Nghi	12	85	3.82	Giỏi	8.547.000	
Cộng khối:							**38.052.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.214.480 đồng/học kỳ								
120. Khối lớp: KT25K1A								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Lớp: KT25K1A1								
1	B2506285	Lý Dung Yến Ngọc	12	95	4	Xuất sắc	9.396.000	
2	B2506303	Võ Bảo Trân	12	95	4	Xuất sắc	9.396.000	
Lớp: KT25K1A2								
1	B2506313	Phạm Đặng Ngọc Châu	14	100	4	Xuất sắc	10.908.000	
2	B2506350	Nguyễn Đặng Mỹ Xuyên	14	93	3.96	Xuất sắc	10.908.000	
Cộng khối:							**40.608.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.825.920 đồng/học kỳ								
121. Khối lớp: KT25V5A								
Lớp: KT25V5A1								
1	B2509417	Đặng Thị Bích Tuyền	13	90	3.69	Xuất sắc	10.152.000	
Lớp: KT25V5A2								
1	B2509427	Trần Thị Mỹ Anh	13	83	3.65	Giỏi	9.306.000	
2	B2509442	Nguyễn Ngọc Ngân	15	95	3.83	Xuất sắc	11.808.000	
3	B2509463	Huỳnh Kim Tuyền	14	83	3.61	Giỏi	10.164.000	
4	B2509468	Nguyễn Lê Hoàng Yến Xuân	14	83	3.61	Giỏi	10.164.000	
Cộng khối:							**51.594.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 42.244.560 đồng/học kỳ								
122. Khối lớp: KT25W1A								
Lớp: KT25W1A1								
1	B2510133	Nguyễn Hoàng Phú Quý	13	91	3.92	Xuất sắc	10.116.000	
Lớp: KT25W1A2								
1	B2510159	Phan Thanh Huy	13	91	3.75	Xuất sắc	10.116.000	
2	B2510161	Huỳnh Trung Kiên	13	92	3.85	Xuất sắc	10.152.000	
3	B2510163	Đặng Hiển Long	13	100	3.81	Xuất sắc	10.224.000	
Cộng khối:							**40.608.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 39.055.392 đồng/học kỳ								
123. Khối lớp: KT25W2A								
Lớp: KT25W2A1								
1	B2510215	Nguyễn Thị Thúy Ngân	15	90	3.89	Xuất sắc	11.772.000	
2	B2510247	Nguyễn Thị Phương Vy	14	92	3.89	Xuất sắc	11.016.000	
Lớp: KT25W2A2								
1	B2510258	Lê Hồng Đào	14	98	3.89	Xuất sắc	11.016.000	
2	B2510267	Phạm Thị Hồng Kim	14	98	3.89	Xuất sắc	11.016.000	
Cộng khối:							**44.820.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 43.687.987 đồng/học kỳ								
124. Khối lớp: KT25W3A								
Lớp: KT25W3A1								
1	B2510361	Trương Khánh Băng	12	90	3.95	Xuất sắc	9.396.000	
2	B2510379	Thân Thị Diễm My	14	94	3.88	Xuất sắc	10.908.000	
Lớp: KT25W3A2								
1	B2510420	Phạm Thị Ngọc Hân	14	95	3.88	Xuất sắc	10.908.000	
2	B2510422	Nguyễn Thị Thiên Huế	13	90	4	Xuất sắc	10.188.000	
3	B2510459	Võ Văn Vĩ	14	98	4	Xuất sắc	11.016.000	
Cộng khối:							**52.416.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 52.347.600 đồng/học kỳ								
125. Khối lớp: KT25W4A								
Lớp: KT25W4A1								
1	B2510485	Nguyễn Nhị Tú Mi	13	90	3.88	Xuất sắc	10.116.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
2	B2510503	Đào Lê Trọng Phúc	14	100	3.92	Xuất sắc	10.980.000	
3	B2510513	Phạm Anh Thư	15	100	4	Xuất sắc	11.772.000	
4	B2510528	Nguyễn Ngọc Như Ý	14	98	3.89	Xuất sắc	11.016.000	
Lớp: KT25W4A2								
1	B2510473	Huỳnh Ngọc Khánh Hân	12	98	4	Xuất sắc	9.396.000	
2	B2510505	Nguyễn Huỳnh Lynh Phương	15	93	3.89	Xuất sắc	11.772.000	
Cộng khối:							**65.052.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 61.119.569 đồng/học kỳ								
126. Khối lớp: LK2363A								
Lớp: LK2363A1								
1	B2301780	Đồng Xuân Duyên	15	100	3.93	Xuất sắc	11.844.000	
2	B2301784	Nguyễn Khánh Giao	13	90	3.77	Xuất sắc	10.296.000	
3	B2301910	Lê Bảo Ly	15	99	3.75	Xuất sắc	11.772.000	
Cộng khối:							**33.912.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.333.308 đồng/học kỳ								
127. Khối lớp: LK2365A								
Lớp: LK2365A1								
1	B2301797	Lê Ngọc Kiều My	13	92	3.81	Xuất sắc	10.296.000	
Lớp: LK2365A2								
1	B2301890	Nguyễn Kiều Ngọc Ái	13	91	3.77	Xuất sắc	10.224.000	
Lớp: LK2365A9								
1	B2303223	Huỳnh Kim Thiên Thanh	17	100	3.85	Xuất sắc	13.464.000	
Cộng khối:							**33.984.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 39.381.307 đồng/học kỳ								
128. Khối lớp: LK23S9A								
Lớp: LK23S9A1								
1	B2304813	Nguyễn Ngọc Hân	13	98	3.85	Xuất sắc	10.296.000	
2	B2304840	Đặng Thị Yến Nhi	13	99	3.62	Xuất sắc	10.296.000	
3	B2304862	Trần Trân	13	92	3.65	Xuất sắc	10.296.000	
4	B2304866	Dương Minh Tú	14	100	3.82	Xuất sắc	11.088.000	
Cộng khối:							**41.976.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.631.197 đồng/học kỳ								
129. Khối lớp: LK2463A								
Lớp: LK2463A1								
1	B2402397	Nguyễn Đặng Mỹ Huyền	15	93	3.67	Xuất sắc	11.808.000	
2	B2402592	Lê Thị Huyền Trân	16	100	3.73	Xuất sắc	12.564.000	
Lớp: LK2463A2								
1	B2402487	Đoàn Khả My	16	97	3.73	Xuất sắc	12.564.000	
2	B2402640	Nguyễn Tấn Lộc	14	100	3.65	Xuất sắc	10.872.000	
3	B2402662	Nguyễn Thị Thanh Thảo	15	100	3.8	Xuất sắc	11.808.000	
Cộng khối:							**59.616.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 55.272.456 đồng/học kỳ								
130. Khối lớp: LK2465A								
Lớp: LK2465A1								
1	B2402384	Cao Thị Diễm	15	90	3.82	Xuất sắc	11.772.000	
2	B2402430	Phạm Thị Hoài Thu	14	97	3.69	Xuất sắc	10.980.000	
3	B2402437	Nguyễn Phạm Thảo Trân	13	100	3.69	Xuất sắc	10.224.000	
4	B2402571	Nguyễn Thanh Nhàn	13	91	3.81	Xuất sắc	10.224.000	
5	B2402577	Cao Văn Tấn Phát	15	94	3.73	Xuất sắc	11.808.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Lớp: LK2465A2								
1	B2402465	Võ Thị Thùy Dương	14	98	3.68	Xuất sắc	11.016.000	
2	B2402480	Trương Hoàng Khôi	13	95	3.92	Xuất sắc	10.188.000	
Cộng khối:							**76.212.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 81.601.013 đồng/học kỳ								
131. Khối lớp: LK24S9A								
Lớp: LK24S9A1								
1	B2406559	Đào Thị Minh Tâm	16	92	3.84	Xuất sắc	12.600.000	
2	B2406565	Trần Thị Minh Thư	14	94	3.79	Xuất sắc	11.016.000	
3	B2406568	Phan Nguyễn Thùy Trâm	16	91	3.94	Xuất sắc	12.600.000	
Lớp: LK24S9A2								
1	B2406626	Thái Minh Siêu	15	93	3.79	Xuất sắc	11.772.000	
2	B2406648	Trần Nguyễn Khánh Vy	15	100	3.89	Xuất sắc	11.772.000	
Cộng khối:							**59.760.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 62.378.518 đồng/học kỳ								
132. Khối lớp: LK2563A								
Lớp: LK2563A1								
1	B2502904	Nguyễn Trường An	14	99	3.86	Xuất sắc	10.728.000	
2	B2502910	Lê Huy Bình	14	99	3.79	Xuất sắc	10.728.000	
3	B2502929	Trần Tuấn Kiệt	14	99	3.71	Xuất sắc	10.728.000	
4	B2502954	Nguyễn Thế Sang	12	91	3.67	Xuất sắc	9.144.000	
5	B2502963	Trần Ngọc Anh Thư	14	95	3.79	Xuất sắc	10.728.000	
6	B2511833	Nguyễn Phước Mai Phương	14	97	3.79	Xuất sắc	10.728.000	
Lớp: LK2563A3								
1	B2503055	Nguyễn Ngọc Vân Anh	14	100	3.79	Xuất sắc	10.728.000	
2	B2503109	Phạm Quốc Anh Thơ	14	100	3.86	Xuất sắc	10.728.000	
3	B2503116	Dương Thị Thùy Trang	12	97	3.67	Xuất sắc	9.144.000	
Cộng khối:							**93.384.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 94.064.998 đồng/học kỳ								
133. Khối lớp: LK25L1A								
Lớp: LK25L1A1								
1	B2506401	Trần Mẫn Nghi	12	100	3.75	Xuất sắc	9.144.000	
2	B2506428	Lê Thị Minh Thư	12	93	3.83	Xuất sắc	9.144.000	
3	B2506439	Lê Thị Kiều Vy	12	95	3.75	Xuất sắc	9.144.000	
Cộng khối:							**27.432.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.345.978 đồng/học kỳ								
134. Khối lớp: LK25S9A								
Lớp: LK25S9A1								
1	B2507263	Nguyễn Thiên Ngân	12	94	3.83	Xuất sắc	9.144.000	
2	B2507274	Huỳnh Á Phi	12	90	3.83	Xuất sắc	9.144.000	
3	B2507294	Lý Trần Thái Trân	12	93	3.83	Xuất sắc	9.144.000	
Lớp: LK25S9A2								
1	B2507307	Trần Phạm Quỳnh Anh	12	98	3.83	Xuất sắc	9.144.000	
2	B2507326	Trần Thanh Huyền	12	96	3.83	Xuất sắc	9.144.000	
3	B2507348	Đỗ Trọng Nghĩa	12	100	3.83	Xuất sắc	9.144.000	
4	B2507351	Nguyễn Chí Nguyện	12	100	3.92	Xuất sắc	9.144.000	
Cộng khối:							**64.008.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 67.766.429 đồng/học kỳ								
135. Khối lớp: ML23U3A								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Lớp: ML23U3A1								
1	B2305716	Nguyễn Thiên Tính	17	95	3.82	Xuất sắc	13.392.000	
Cộng khối:							**13.392.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 12.569.040 đồng/học kỳ								
136. Khối lớp: ML23V9A								
Lớp: ML23V9A1								
1	B2306760	Bùi Phạm Ngọc Hân	13	95	3.88	Xuất sắc	10.296.000	
Cộng khối:							**10.296.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.312.320 đồng/học kỳ								
137. Khối lớp: ML23X4A								
Lớp: ML23X4A1								
1	B2307722	Huỳnh Quốc Đạt	19	82	3.55	Giỏi	13.167.000	
Cộng khối:							**13.167.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 7.478.424 đồng/học kỳ								
138. Khối lớp: ML24U3A								
Lớp: ML24U3A1								
1	B2407734	Trần Hà My	14	97	4	Xuất sắc	11.052.000	
2	B2407746	Lê Thị Tuyết Phượng	14	100	4	Xuất sắc	11.052.000	
Lớp: ML24U3A2								
1	B2407785	Huỳnh Kỷ Nguyên	12	97	4	Xuất sắc	9.468.000	
Cộng khối:							**31.572.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.430.345 đồng/học kỳ								
139. Khối lớp: ML24V9A								
Lớp: ML24V9A1								
1	B2409125	Dương Nhật Quang	16	100	3.75	Xuất sắc	12.672.000	
Lớp: ML24V9A2								
1	B2409152	Cao Quốc Đạt	17	100	3.72	Xuất sắc	13.428.000	
2	B2409186	Nguyễn Đoàn Yến Trang	16	100	3.78	Xuất sắc	12.672.000	
Cộng khối:							**38.772.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.694.506 đồng/học kỳ								
140. Khối lớp: ML24X4A								
Lớp: ML24X4A1								
1	B2410097	Phạm Nguyễn Khánh Băng	14	95	3.86	Xuất sắc	10.584.000	
2	B2410113	Lương Thúy Liễu	14	95	3.86	Xuất sắc	10.584.000	
Cộng khối:							**21.168.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.963.648 đồng/học kỳ								
141. Khối lớp: ML25U3A								
Lớp: ML25U3A1								
1	B2508574	Nguyễn Quốc Kiệt	14	90	3.69	Xuất sắc	10.944.000	
Lớp: ML25U3A2								
1	B2508620	Nguyễn Lê Hồng Hà	14	100	3.88	Xuất sắc	10.944.000	
2	B2508650	Nguyễn Anh Thư	12	99	3.71	Xuất sắc	9.324.000	
3	B2508656	Đặng Thị Gia Tuệ	12	91	3.71	Xuất sắc	9.324.000	
Cộng khối:							**40.536.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.437.680 đồng/học kỳ								
142. Khối lớp: ML25V9A								
Lớp: ML25V9A1								
1	B2510001	Chung Diệp Tuyết Băng	14	95	3.65	Xuất sắc	10.944.000	
2	B2510009	Phan Trung Hậu	13	95	3.71	Xuất sắc	10.188.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
3	B2510014	Phạm Trần Nhật Khánh	13	95	3.63	Xuất sắc	10.188.000	
4	B2510043	Lý Ngọc Trâm	13	93	3.67	Xuất sắc	10.188.000	
Cộng khối:							**41.508.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 42.206.717 đồng/học kỳ								
143. Khối lớp: ML25X4A								
Lớp: ML25X4A1								
1	B2511090	Hồ Trí Thanh	14	95	4	Xuất sắc	10.584.000	
2	B2511115	Lê Nguyễn Trúc Vy	13	95	4	Xuất sắc	9.828.000	
Lớp: ML25X4A2								
1	B2511050	Trần Lê Thu Hồng	14	90	4	Xuất sắc	10.584.000	
2	B2511091	Phan Chí Thông	14	95	4	Xuất sắc	10.584.000	
Cộng khối:							**41.580.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 42.229.152 đồng/học kỳ								
144. Khối lớp: MT2225A								
Lớp: MT2225A1								
1	B2202985	Lê Anh Đạt	15	75	4	Khá	9.900.000	
Lớp: MT2225A2								
1	B2201505	Nguyễn Minh Khôi	16	72	4	Khá	10.530.000	
Cộng khối:							**20.430.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.976.000 đồng/học kỳ								
145. Khối lớp: MT22D4A								
Lớp: MT22D4A1								
1	B2203885	Trần Quang Vinh	20	76	3.65	Khá	14.725.000	
Cộng khối:							**14.725.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.692.400 đồng/học kỳ								
146. Khối lớp: MT22X7A								
Lớp: MT22X7A1								
1	B2207128	Nguyễn Trần Hồng Ngọc	15	83	3.5	Giỏi	10.890.000	
2	B2207151	Thiệu Đan Trường	17	88	3.44	Giỏi	12.342.000	
Cộng khối:							**23.232.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.459.676 đồng/học kỳ								
147. Khối lớp: MT2325A								
Lớp: MT2325A1								
1	B2301631	Lê Trọng Hiếu	12	98	3.92	Xuất sắc	9.504.000	
2	B2301638	Lê Hoàng Khang	15	98	3.87	Xuất sắc	11.880.000	
Lớp: MT2325A2								
1	B2301736	Cao Thị Kim Ngọc	12	100	3.92	Xuất sắc	9.504.000	
2	B2301763	Nguyễn Khắc Minh Trường	14	98	3.93	Xuất sắc	11.088.000	
Cộng khối:							**41.976.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 42.898.687 đồng/học kỳ								
148. Khối lớp: MT2338A								
Lớp: MT2338A2								
1	B2302120	Đồng Tấn Phát	12	95	3.91	Xuất sắc	9.732.000	
2	B2302142	Nguyễn Thụy Như Ý	20	92	4	Xuất sắc	16.320.000	
Cộng khối:							**26.052.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.602.648 đồng/học kỳ								
149. Khối lớp: MT2357A								
Lớp: MT2357A1								
1	B2302427	Nguyễn Ngọc Đoan Trinh	13	98	3.92	Xuất sắc	11.778.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Cộng khối:							**11.778.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.752.880 đồng/học kỳ								
150. Khối lớp: MT23D4A								
Lớp: MT23D4A1								
1	B2304246	Lê Tấn Thịnh	15	91	3.73	Xuất sắc	13.590.000	
Cộng khối:							**13.590.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.328.736 đồng/học kỳ								
151. Khối lớp: MT23S8A								
Lớp: MT23S8A1								
1	B2304754	Nguyễn Văn Mãi	16	98	3.88	Xuất sắc	14.496.000	
2	B2304780	Đoàn Trương Bảo Thuận	18	95	3.86	Xuất sắc	16.308.000	
Cộng khối:							**30.804.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.671.000 đồng/học kỳ								
152. Khối lớp: MT23X7A								
Lớp: MT23X7A1								
1	B2307818	Lê Dương Thúy Hân	13	92	4	Xuất sắc	10.260.000	
2	B2307847	Trần Quỳnh Như	13	94	3.83	Xuất sắc	10.260.000	
Cộng khối:							**20.520.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.643.840 đồng/học kỳ								
153. Khối lớp: MT2425A								
Lớp: MT2425A1								
1	B2402260	Lâm Thị Kim Huệ	16	90	3.8	Xuất sắc	12.636.000	
2	B2402265	Dương Thị Thanh Kiều	13	95	4	Xuất sắc	10.188.000	
3	B2402273	Trần Quang Minh	16	98	3.8	Xuất sắc	12.564.000	
Lớp: MT2425A2								
1	B2402311	Võ Đức Anh	16	95	3.75	Xuất sắc	12.600.000	
2	B2402329	Võ Đức Huy	13	93	3.83	Xuất sắc	10.188.000	
Cộng khối:							**58.176.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 62.165.966 đồng/học kỳ								
154. Khối lớp: MT2438A								
Lớp: MT2438A1								
1	B2402691	Trần Ngọc Lan Anh	16	98	3.75	Xuất sắc	13.056.000	
Cộng khối:							**13.056.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.482.320 đồng/học kỳ								
155. Khối lớp: MT2457A								
Lớp: MT2457A1								
1	B2403048	Phan Nhật Trinh	14	87	3.64	Giỏi	11.627.000	
Cộng khối:							**11.627.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.407.720 đồng/học kỳ								
156. Khối lớp: MT24D4A								
Lớp: MT24D4A1								
1	B2405681	Phan Lưu Tuyết Nhi	14	84	3.25	Giỏi	11.627.000	
Cộng khối:							**11.627.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 12.895.229 đồng/học kỳ								
157. Khối lớp: MT24S8A								
Lớp: MT24S8A1								
1	B2406428	Thái Nhật Anh	14	94	3.68	Xuất sắc	12.684.000	
2	B2406475	Lý Phương Nhi	16	93	3.75	Xuất sắc	14.496.000	
Cộng khối:							**27.180.000**	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.616.352 đồng/học kỳ								
158. Khối lớp: MT24X7A								
Lớp: MT24X7A1								
1	B2410200	Nguyễn Thị Mỹ Huỳnh	13	90	3.92	Xuất sắc	10.260.000	
2	B2410241	Lư Nguyễn Ngọc Trâm	15	97	3.86	Xuất sắc	11.844.000	
Lớp: MT24X7A2								
1	B2410290	Phạm Tuyết Nhi	14	96	3.93	Xuất sắc	11.088.000	
2	B2410301	Văn Phương Thảo	13	93	3.92	Xuất sắc	10.260.000	
3	B2410323	Nguyễn Thị Như Ý	14	100	3.93	Xuất sắc	11.088.000	
Cộng khối:							**54.540.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 49.718.462 đồng/học kỳ								
159. Khối lớp: MT2525A								
Lớp: MT2525A1								
1	B2502331	Nguyễn Thị Cẩm Ái	13	92	3.62	Xuất sắc	9.936.000	
2	B2502349	Danh Minh Khang	13	90	3.65	Xuất sắc	9.936.000	
3	B2502367	Nguyễn Thị Uyển Nhu	13	86	3.81	Giỏi	9.108.000	
Lớp: MT2525A2								
1	B2502417	Huỳnh Nguyễn Ngọc Huệ	13	91	3.73	Xuất sắc	9.936.000	
2	B2502463	Hồ Thị Thúy Vy	13	91	3.81	Xuất sắc	9.936.000	
Cộng khối:							**48.852.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 49.685.570 đồng/học kỳ								
160. Khối lớp: MT2538A								
Lớp: MT2538A1								
1	B2502470	Võ Gia Bảo	12	91	3.83	Xuất sắc	9.312.000	
2	B2502472	Lê Khánh Duy	12	98	3.67	Xuất sắc	9.312.000	
3	B2502495	Phạm Chí Nguyện	12	88	3.83	Giỏi	8.536.000	
4	B2502516	Phạm Khả Vy	12	93	3.67	Xuất sắc	9.312.000	
Cộng khối:							**36.472.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.986.678 đồng/học kỳ								
161. Khối lớp: MT2557A								
Lớp: MT2557A2								
1	B2502825	Nguyễn Minh Đăng	14	98	3.71	Xuất sắc	11.184.000	
2	B2502888	Nguyễn Thanh Tiền	14	93	3.64	Xuất sắc	11.184.000	
Cộng khối:							**22.368.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.423.885 đồng/học kỳ								
162. Khối lớp: MT25S8A								
Lớp: MT25S8A1								
1	B2507184	Nguyễn Xuân Khánh	12	100	3.83	Xuất sắc	9.372.000	
Cộng khối:							**9.372.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 14.441.400 đồng/học kỳ								
163. Khối lớp: MT25X7A								
Lớp: MT25X7A1								
1	B2511234	Phan Thị Mỹ Diện	16	96	3.75	Xuất sắc	12.312.000	
2	B2511273	Nguyễn Quốc Thái	12	90	3.83	Xuất sắc	9.144.000	
Lớp: MT25X7A2								
1	B2511337	Lê Trường Phú	16	100	3.75	Xuất sắc	12.312.000	
2	B2511338	Nguyễn Ngọc Lan Phương	16	96	3.75	Xuất sắc	12.312.000	
Cộng khối:							**46.080.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 56.770.560 đồng/học kỳ								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
164. Khối lớp: NN2208A								
Lớp: NN2208A2								
1	B2200186	Phạm Hoàng Phúc	19	65	3.13	Khá	14.345.000	
Cộng khối:							**14.345.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 68.692.284 đồng/học kỳ								
165. Khối lớp: NN2267A								
Lớp: NN2267A2								
1	B2202461	Phan Nhựt Duy	20	100	4	Xuất sắc	18.120.000	
2	B2202510	Nguyễn Thị Anh Thư	20	97	4	Xuất sắc	18.120.000	
Cộng khối:							**36.240.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 40.223.268 đồng/học kỳ								
166. Khối lớp: NN22V8A								
Lớp: NN22V8A1								
1	B2206057	Nguyễn Phúc Thảo Nhi	19	67	3.84	Khá	12.820.000	
Cộng khối:							**12.820.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.680.480 đồng/học kỳ								
167. Khối lớp: NN22X9A								
Lớp: NN22X9A1								
1	B2207323	Trương Thị Tú Quyên	17	67	3.56	Khá	12.835.000	
Cộng khối:							**12.835.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.322.632 đồng/học kỳ								
168. Khối lớp: NN2319A								
Lớp: NN2319A2								
1	B2300876	Lê Anh Khôi	12	96	3.83	Xuất sắc	10.872.000	
2	B2300878	Nguyễn Thị Cẩm Loan	12	95	3.83	Xuất sắc	10.872.000	
Cộng khối:							**21.744.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.795.880 đồng/học kỳ								
169. Khối lớp: NN2367A								
Lớp: NN2367A1								
1	B2302641	Phạm Thành Đạt	15	100	3.93	Xuất sắc	13.590.000	
2	B2302693	Xa Ngọc Như Ý	14	93	4	Xuất sắc	12.684.000	
Lớp: NN2367A2								
1	B2302698	Võ Hoàng Bảo	14	100	3.93	Xuất sắc	12.684.000	
2	B2302704	Nguyễn Trí Đạt	14	100	3.93	Xuất sắc	12.684.000	
3	B2302730	Nguyễn Chí Thanh	14	100	3.93	Xuất sắc	12.684.000	
4	B2302732	Nguyễn Thu Thảo	13	91	4	Xuất sắc	11.778.000	
Cộng khối:							**76.104.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 58.313.988 đồng/học kỳ								
170. Khối lớp: NN2373A								
Lớp: NN2373A1								
1	B2302921	Lưu Phú Hưng	15	95	3.87	Xuất sắc	13.590.000	
2	B2302930	Trần Thành Lý	13	100	3.92	Xuất sắc	11.778.000	
3	B2302935	Nguyễn Thị Hiếu Nguyên	17	92	3.88	Xuất sắc	15.402.000	
Lớp: NN2373A2								
1	B2302998	Phạm Minh Mẫn	13	92	3.92	Xuất sắc	11.778.000	
Lớp: NN2373A3								
1	B2303050	Lê Văn Hào	13	97	3.92	Xuất sắc	11.778.000	
Cộng khối:							**64.326.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 69.382.958 đồng/học kỳ								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
171. Khối lớp: NN23S1A								
Lớp: NN23S1A2								
1	B2304434	Ngô Tùng Diệp	12	100	4	Xuất sắc	10.872.000	
2	B2304458	Trần Trung Kiệt	14	96	3.93	Xuất sắc	12.684.000	
3	B2304462	Nguyễn Thị Cẩm Ly	14	98	3.93	Xuất sắc	12.684.000	
Cộng khối:							**36.240.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 41.067.446 đồng/học kỳ								
172. Khối lớp: NN23S4A								
Lớp: NN23S4A1								
1	B2302857	Nguyễn Tấn Lộc	12	97	3.77	Xuất sắc	10.722.000	
2	B2302895	Nguyễn Nhật Trường	12	97	3.73	Xuất sắc	10.722.000	
Cộng khối:							**21.444.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.586.600 đồng/học kỳ								
173. Khối lớp: NN23S6A								
Lớp: NN23S6A1								
1	B2308049	Đặng Thị Thanh Ngân	16	97	3.88	Xuất sắc	14.496.000	
Cộng khối:							**14.496.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.628.040 đồng/học kỳ								
174. Khối lớp: NN23X8A								
Lớp: NN23X8A1								
1	B2307997	Trần Thị Ngọc Thiện	13	100	4	Xuất sắc	11.778.000	
2	B2308010	Huỳnh Nhã Vy	13	100	4	Xuất sắc	11.778.000	
3	B2308015	Lê Thị Kim Yến	13	98	4	Xuất sắc	11.778.000	
Cộng khối:							**35.334.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.044.400 đồng/học kỳ								
175. Khối lớp: NN23X9A								
Lớp: NN23X9A2								
1	B2308151	Lê Phạm Ngọc Trâm	14	75	3.79	Khá	10.570.000	
Cộng khối:							**10.570.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 10.509.336 đồng/học kỳ								
176. Khối lớp: NN2419A								
Lớp: NN2419A2								
1	B2401162	Lê Thị Thúy Hằng	15	92	3.79	Xuất sắc	13.140.000	
2	B2401183	Bùi Vũ Tiểu My	18	97	3.76	Xuất sắc	15.708.000	
3	B2401190	Trần Trường Phi	14	92	3.93	Xuất sắc	12.684.000	
4	B2401201	Nguyễn Lê Minh Thuận	13	90	3.77	Xuất sắc	11.778.000	
Cộng khối:							**53.310.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 47.509.870 đồng/học kỳ								
177. Khối lớp: NN2467A								
Lớp: NN2467A1								
1	B2403538	Dương Tuyết Mai	12	100	3.83	Xuất sắc	10.872.000	
2	B2403540	Nguyễn Gia Minh	12	100	3.83	Xuất sắc	10.872.000	
3	B2403543	Bùi Ngọc Kim Ngân	12	100	3.92	Xuất sắc	10.872.000	
4	B2403564	Dương Phước Thọ	12	90	4	Xuất sắc	10.872.000	
Lớp: NN2467A2								
1	B2403590	Nguyễn Gia Cường	12	90	3.92	Xuất sắc	10.872.000	
2	B2403601	Nguyễn Thị Xuân Hiền	12	100	3.83	Xuất sắc	10.872.000	
3	B2403657	Nguyễn Ngọc Thanh Xuân	12	97	3.92	Xuất sắc	10.872.000	
Cộng khối:							**76.104.000**	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 78.682.068 đồng/học kỳ								
178. Khối lớp: NN2473A								
Lớp: NN2473A1								
1	B2403921	Nguyễn Thị Bích Hợp	16	100	4	Xuất sắc	14.496.000	
2	B2403932	Nguyễn Thị Trúc Linh	14	100	4	Xuất sắc	12.684.000	
Lớp: NN2473A2								
1	B2404036	Đỗ Hồng Ngọc	12	100	3.91	Xuất sắc	10.722.000	
Lớp: NN2473A3								
1	B2404091	Phạm Võ Chí Công	15	90	3.93	Xuất sắc	13.440.000	
2	B2404130	Mai Hoàng Nhã	16	94	3.97	Xuất sắc	14.196.000	
3	B2404139	Trần Văn Phi	15	100	4	Xuất sắc	13.440.000	
4	B2404141	Lê Hữu Phước	16	100	3.91	Xuất sắc	14.196.000	
Cộng khối:							**93.174.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 91.457.532 đồng/học kỳ								
179. Khối lớp: NN24S1A								
Lớp: NN24S1A1								
1	B2406026	Nguyễn Phước Huy	15	97	3.93	Xuất sắc	13.590.000	
2	B2406035	Huỳnh Lê Gia Linh	15	90	3.9	Xuất sắc	13.590.000	
3	B2406061	Lâm Thị Phương Thùy	15	97	4	Xuất sắc	13.590.000	
Cộng khối:							**40.770.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.641.843 đồng/học kỳ								
180. Khối lớp: NN24S4A								
Lớp: NN24S4A1								
1	B2403881	Phan Phong Phú	15	85	3.7	Giỏi	12.457.500	
Cộng khối:							**12.457.500**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 8.064.360 đồng/học kỳ								
181. Khối lớp: NN24S6A								
Lớp: NN24S6A1								
1	B2410462	Đỗ Nguyễn Quế Tâm	12	100	3.83	Xuất sắc	10.872.000	
2	B2410468	Tạ Gia Thịnh	13	97	3.75	Xuất sắc	11.628.000	
Cộng khối:							**22.500.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.381.078 đồng/học kỳ								
182. Khối lớp: NN24V8A								
Lớp: NN24V8A1								
1	B2409088	Nguyễn Thị Hồng Tươi	15	80	3.71	Giỏi	11.165.000	
2	B2409093	Lê Ngọc Như Ý	15	80	3.71	Giỏi	11.165.000	
3	B2409094	Nguyễn Thị Như Ý	13	97	3.67	Xuất sắc	10.428.000	
Cộng khối:							**32.758.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.121.792 đồng/học kỳ								
183. Khối lớp: NN24X8A								
Lớp: NN24X8A1								
1	B2410329	Trịnh Văn Bản	15	100	3.7	Xuất sắc	13.590.000	
2	B2410400	Nguyễn Thị Cẩm Vân	13	98	3.92	Xuất sắc	11.778.000	
Cộng khối:							**25.368.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.315.830 đồng/học kỳ								
184. Khối lớp: NN24X9A								
Lớp: NN24X9A1								
1	B2410489	Nguyễn Nhật Hào	14	100	3.64	Xuất sắc	12.384.000	
Cộng khối:							**12.384.000**	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 14.320.944 đồng/học kỳ								
185. Khối lớp: NN2519A								
Lớp: NN2519A1								
1	B2501090	La Thị Ngọc Hân	14	90	3.65	Xuất sắc	11.634.000	
Lớp: NN2519A2								
1	B2501149	Lê Vương Bích Đào	12	90	3.77	Xuất sắc	9.822.000	
2	B2501179	Huỳnh Thanh Phong	12	91	3.64	Xuất sắc	9.822.000	
3	B2501196	Trần Lê Huyền Trân	12	92	4	Xuất sắc	9.822.000	
Cộng khối:							**41.100.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.786.039 đồng/học kỳ								
186. Khối lớp: NN2567A								
Lớp: NN2567A1								
1	B2503563	Hồ Thị Anh Thư	12	90	3.82	Xuất sắc	10.122.000	
Lớp: NN2567A2								
1	B2503589	Dương Khánh Duy	14	90	3.85	Xuất sắc	11.934.000	
2	B2503601	Trần Mai Huỳnh	12	98	3.82	Xuất sắc	10.422.000	
3	B2503623	Võ Ngọc Yến Nhi	12	97	4	Xuất sắc	10.422.000	
4	B2503650	Trương Ngọc Uyển Vy	14	100	4	Xuất sắc	11.934.000	
Lớp: NN2567A3								
1	B2503700	Huỳnh Yến Phương	14	100	4	Xuất sắc	11.634.000	
2	B2503716	Nguyễn Minh Triều	15	90	3.86	Xuất sắc	12.390.000	
3	B2503722	Lê Yến Vy	12	100	3.82	Xuất sắc	10.122.000	
Cộng khối:							**88.980.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 93.004.186 đồng/học kỳ								
187. Khối lớp: NN2573A								
Lớp: NN2573A1								
1	B2503877	Trần Văn Toàn Anh	14	97	3.68	Xuất sắc	11.784.000	
2	B2503933	Huỳnh Thiên Thảo	14	98	3.79	Xuất sắc	11.784.000	
3	B2503938	Nguyễn Anh Thư	12	90	3.68	Xuất sắc	9.822.000	
4	B2503944	Phạm Thị Ngọc Trân	13	100	3.71	Xuất sắc	10.728.000	
5	B2503945	Nguyễn Thị Mai Trăm	14	90	3.71	Xuất sắc	11.784.000	
Lớp: NN2573A2								
1	B2504008	Đặng Thành Quý	13	100	3.63	Xuất sắc	10.728.000	
2	B2504023	Trần Trọng Tính	13	96	3.75	Xuất sắc	10.728.000	
3	B2504029	Nguyễn Thị Bích Tuyền	13	98	3.75	Xuất sắc	10.728.000	
Cộng khối:							**88.086.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 89.720.777 đồng/học kỳ								
188. Khối lớp: NN25S1A								
Lớp: NN25S1A1								
1	B2506796	Phan Phương Duy	13	90	3.75	Xuất sắc	11.028.000	
2	B2506839	Hà Thúy Vy	13	86	3.67	Giỏi	9.834.000	
Lớp: NN25S1A2								
1	B2506872	Hồ Thị Ngọc Như	16	98	3.6	Xuất sắc	13.746.000	
Cộng khối:							**34.608.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.988.741 đồng/học kỳ								
189. Khối lớp: NN25S6A								
Lớp: NN25S6A1								
1	B2511392	Lý Vĩnh Khoa	12	90	3.75	Xuất sắc	10.272.000	
2	B2511481	Nguyễn Phúc Thủy Tiên	12	90	3.77	Xuất sắc	10.122.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Cộng khối:							**20.394.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.766.880 đồng/học kỳ								
190. Khối lớp: NN25V8A								
Lớp: NN25V8A1								
1	B2509933	Phạm Thị Yến Linh	12	94	3.96	Xuất sắc	10.188.000	
2	B2509963	Lê Thị Hồng Phúc	16	100	3.6	Xuất sắc	12.636.000	
3	B2509973	Nguyễn Hạo Thiên	14	92	4	Xuất sắc	10.764.000	
Cộng khối:							**33.588.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.223.008 đồng/học kỳ								
191. Khối lớp: NN25X8A								
Lớp: NN25X8A1								
1	B2511423	Thái Ngọc Trân	12	82	3.77	Giỏi	9.278.500	
2	B2511487	Lê Ngọc Cát Tường	13	97	3.88	Xuất sắc	11.028.000	
Cộng khối:							**20.306.500**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.537.166 đồng/học kỳ								
192. Khối lớp: SP2301A								
Lớp: SP2301A1								
1	B2300023	Hoàng Thảo Trang	15	100	4	Xuất sắc	11.340.000	
Cộng khối:							**11.340.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 10.600.416 đồng/học kỳ								
193. Khối lớp: SP2302A								
Lớp: SP2302A1								
1	B2300033	Võ Thành Công	12	100	4	Xuất sắc	9.072.000	
Cộng khối:							**9.072.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.727.392 đồng/học kỳ								
194. Khối lớp: SP2309A								
Lớp: SP2309A1								
1	B2300306	Hồ Trần Phương Phi	14	97	3.79	Xuất sắc	10.584.000	
Cộng khối:							**10.584.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 7.402.752 đồng/học kỳ								
195. Khối lớp: SP2310A								
Lớp: SP2310A1								
1	B2300321	Lê Tuyết Nghi	14	100	3.86	Xuất sắc	10.584.000	
Cộng khối:							**10.584.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.529.536 đồng/học kỳ								
196. Khối lớp: SP2316A								
Lớp: SP2316A1								
1	B2300726	Phan Trà My	15	95	4	Xuất sắc	11.340.000	
Cộng khối:							**11.340.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 7.991.784 đồng/học kỳ								
197. Khối lớp: SP2317A								
Lớp: SP2317A1								
1	B2300744	Tạ Trung Hiếu	15	100	3.93	Xuất sắc	11.340.000	
Cộng khối:							**11.340.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.384.824 đồng/học kỳ								
198. Khối lớp: SP2318A								
Lớp: SP2318A1								
1	B2300792	Nguyễn Bảo Linh	14	93	4	Xuất sắc	10.584.000	
Cộng khối:							**10.584.000**	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 7.526.808 đồng/học kỳ								
199. Khối lớp: SP23U8A								
Lớp: SP23U8A1								
1	B2305989	Lê Xuân Anh	12	92	3.63	Xuất sắc	9.072.000	
2	B2305997	Lê Nguyễn Trọng Đức	12	93	3.88	Xuất sắc	9.072.000	
3	B2306002	Trần Thái Huy	12	95	3.75	Xuất sắc	9.072.000	
Cộng khối:							**27.216.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.152.824 đồng/học kỳ								
200. Khối lớp: SP23X3A								
Lớp: SP23X3A2								
1	B2307674	Huỳnh Vũ Duy	14	100	4	Xuất sắc	10.584.000	
2	B2307680	Lưu Huỳnh Hoa	14	100	4	Xuất sắc	10.584.000	
3	B2307694	Huỳnh Nhi	14	100	4	Xuất sắc	10.584.000	
Cộng khối:							**31.752.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.121.416 đồng/học kỳ								
201. Khối lớp: SP2401A								
Lớp: SP2401A1								
1	B2400013	Lê Trung Kiên	13	100	4	Xuất sắc	9.828.000	
Cộng khối:							**9.828.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 14.157.792 đồng/học kỳ								
202. Khối lớp: SP2402A								
Lớp: SP2402A1								
1	B2400044	Lê Tấn Phát	13	100	4	Xuất sắc	9.828.000	
Cộng khối:							**9.828.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 7.078.896 đồng/học kỳ								
203. Khối lớp: SP2409A								
Lớp: SP2409A1								
1	B2400556	Nguyễn Nhựt Anh	15	100	4	Xuất sắc	11.340.000	
Cộng khối:							**11.340.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 8.454.096 đồng/học kỳ								
204. Khối lớp: SP2410A								
Lớp: SP2410A1								
1	B2400577	Đặng Huỳnh Ngọc Diệp	16	92	3.84	Xuất sắc	12.096.000	
Cộng khối:							**12.096.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 10.316.376 đồng/học kỳ								
205. Khối lớp: SP2416A								
Lớp: SP2416A1								
1	B2400973	Huỳnh Thị Bích Trâm	14	100	4	Xuất sắc	10.584.000	
Cộng khối:							**10.584.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 7.955.640 đồng/học kỳ								
206. Khối lớp: SP2417A								
Lớp: SP2417A1								
1	B2400999	Phạm Anh Khoa	12	91	3.82	Xuất sắc	9.072.000	
2	B2401026	Trần Ngọc Thuấn	13	96	3.85	Xuất sắc	11.340.000	
3	B2401030	Mai Anh Thư	12	98	3.82	Xuất sắc	9.072.000	
Cộng khối:							**29.484.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.898.696 đồng/học kỳ								
207. Khối lớp: SP2418A								
Lớp: SP2418A1								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
1	B2401062	Trần Tiến Phát	14	100	3.93	Xuất sắc	10.584.000	
Cộng khối:							**10.584.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 8.540.136 đồng/học kỳ								
208. Khối lớp: SP24E1A								
Lớp: SP24E1A1								
1	B2405812	Hồ Lê Tâm Đoan	13	93	3.92	Xuất sắc	9.828.000	
Cộng khối:							**9.828.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.980.472 đồng/học kỳ								
209. Khối lớp: SP24E2A								
Lớp: SP24E2A1								
1	B2405835	Cao Huỳnh Như	18	95	3.61	Xuất sắc	13.608.000	
Cộng khối:							**13.608.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 11.027.491 đồng/học kỳ								
210. Khối lớp: SP24U8A								
Lớp: SP24U8A1								
1	B2408068	Nguyễn Hoàng Đạt	13	93	4	Xuất sắc	9.828.000	
2	B2408095	Lâm Thị Diễm My	12	92	4	Xuất sắc	9.072.000	
3	B2408110	Lương Chí Tâm	13	97	4	Xuất sắc	9.828.000	
Cộng khối:							**28.728.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.378.008 đồng/học kỳ								
211. Khối lớp: SP24X3A								
Lớp: SP24X3A1								
1	B2410001	Trần Khánh Duy	17	100	3.91	Xuất sắc	12.852.000	
Lớp: SP24X3A2								
1	B2410046	Nguyễn Vũ Khánh Băng	16	100	3.9	Xuất sắc	12.096.000	
2	B2410057	Nguyễn Nhật Hoàng	15	100	4	Xuất sắc	11.340.000	
3	B2410078	Nguyễn Hoàng Thông	15	100	3.9	Xuất sắc	11.340.000	
Cộng khối:							**47.628.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.943.416 đồng/học kỳ								
212. Khối lớp: SP2501A								
Lớp: SP2501A1								
1	B2500055	Mai Tấn Phát	13	100	4	Xuất sắc	9.828.000	
2	B2500062	Thái Tuấn Sang	13	98	4	Xuất sắc	9.828.000	
3	B2500078	Tiết Minh Trọng	15	100	4	Xuất sắc	11.340.000	
Cộng khối:							**30.996.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.195.240 đồng/học kỳ								
213. Khối lớp: SP2502A								
Lớp: SP2502A1								
1	B2500107	Nguyễn Thảo Nguyên	14	98	3.86	Xuất sắc	10.584.000	
2	B2500116	Đặng Duy Tân	14	100	3.85	Xuất sắc	10.584.000	
Cộng khối:							**21.168.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.383.960 đồng/học kỳ								
214. Khối lớp: SP2509A								
Lớp: SP2509A1								
1	B2500499	Nguyễn Lê Kim Ngân	14	100	4	Xuất sắc	10.584.000	
Cộng khối:							**10.584.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.275.104 đồng/học kỳ								
215. Khối lớp: SP2510A								
Lớp: SP2510A1								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
1	B2500528	Võ Nguyễn Hữu Khánh	13	96	4	Xuất sắc	9.828.000	
2	B2500552	Châu Huỳnh Quang Vinh	13	100	4	Xuất sắc	9.828.000	
Cộng khối:							**19.656.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.123.176 đồng/học kỳ								
216. Khối lớp: SP2516A								
Lớp: SP2516A1								
1	B2500899	Trần Minh Hiếu	14	100	4	Xuất sắc	10.584.000	
2	B2500926	Nguyễn Anh Tuấn	14	96	4	Xuất sắc	10.584.000	
Cộng khối:							**21.168.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.502.408 đồng/học kỳ								
217. Khối lớp: SP2517A								
Lớp: SP2517A1								
1	B2500933	Bùi Tuấn Anh	12	98	4	Xuất sắc	11.340.000	
2	B2500961	Võ Thị Thanh Lan	13	96	3.92	Xuất sắc	9.828.000	
Lớp: SP2517A2								
1	B2501037	Phan Nguyễn Bích Uyên	13	90	3.92	Xuất sắc	9.828.000	
2	B2501040	Trịnh Tường Vi	13	91	4	Xuất sắc	9.828.000	
3	B2511832	Nguyễn Ngọc Thiên Kim	12	99	3.91	Xuất sắc	9.072.000	
Cộng khối:							**49.896.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 46.240.776 đồng/học kỳ								
218. Khối lớp: SP2518A								
Lớp: SP2518A1								
1	B2501054	Huỳnh Thị Kiều Duyên	15	98	3.86	Xuất sắc	11.340.000	
Cộng khối:							**11.340.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.351.936 đồng/học kỳ								
219. Khối lớp: SP25E1A								
Lớp: SP25E1A2								
1	B2505963	Đặng Thị Mỹ Duyên	12	100	3.91	Xuất sắc	9.072.000	
2	B2505992	Nguyễn Thanh Nhi	13	96	3.75	Xuất sắc	9.828.000	
3	B2506009	Lại Nguyễn Anh Thư	13	100	3.79	Xuất sắc	9.828.000	
Lớp: SP25E1A3								
1	B2505879	Nguyễn Thị Thúy An	13	95	3.83	Xuất sắc	9.828.000	
2	B2505900	Lê Ái Kỳ	13	93	3.83	Xuất sắc	9.828.000	
3	B2511829	Châu Ngọc Khánh Băng	13	95	3.75	Xuất sắc	9.828.000	
Cộng khối:							**58.212.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 60.802.632 đồng/học kỳ								
220. Khối lớp: SP25E2A								
Lớp: SP25E2A1								
1	B2506090	Nguyễn Thị Thi	15	93	4	Xuất sắc	11.340.000	
2	B2506092	Đoàn Hưng Thịnh	15	93	3.89	Xuất sắc	11.340.000	
3	B2506095	Lê Ngọc Anh Thư	13	90	4	Xuất sắc	9.828.000	
Cộng khối:							**32.508.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.686.728 đồng/học kỳ								
221. Khối lớp: SP25E3A								
Lớp: SP25E3A1								
1	B2506124	Nguyễn Thị Bé Thảo	13	97	3.92	Xuất sắc	9.828.000	
Cộng khối:							**9.828.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 8.584.488 đồng/học kỳ								
222. Khối lớp: SP25E4A								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Lớp: SP25E4A1								
1	B2506152	Võ Ngọc Hân	14	96	3.86	Xuất sắc	11.016.000	
2	B2506161	Nguyễn Ngọc Minh Khuê	12	100	3.92	Xuất sắc	9.360.000	
3	B2506165	Huỳnh Ngọc Thái Ngân	12	100	3.92	Xuất sắc	9.360.000	
Cộng khối:							**29.736.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.241.680 đồng/học kỳ								
223. Khối lớp: SP25U8A								
Lớp: SP25U8A1								
1	B2508912	Nguyễn Khánh Ngân	12	96	4	Xuất sắc	9.072.000	
2	B2508917	Cao Nguyễn Tuyết Như	12	98	4	Xuất sắc	9.072.000	
3	B2508925	Dương Mạnh Quỳnh	16	96	4	Xuất sắc	12.096.000	
Cộng khối:							**30.240.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.586.736 đồng/học kỳ								
224. Khối lớp: SP25X3A								
Lớp: SP25X3A1								
1	B2510952	Bùi Hoàng Phi	12	100	4	Xuất sắc	9.072.000	
2	B2510974	Phạm Thị Tường Vy	13	98	4	Xuất sắc	9.828.000	
Lớp: SP25X3A2								
1	B2511027	Phạm Thị Như Ý	13	96	4	Xuất sắc	9.828.000	
Cộng khối:							**28.728.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 41.044.608 đồng/học kỳ								
225. Khối lớp: ST2520A								
Lớp: ST2520A1								
1	B2501327	Nguyễn Vân Anh	13	87	3.69	Giỏi	9.306.000	
2	B2501371	Tô Thị Như Ý	13	92	3.81	Xuất sắc	10.152.000	
Cộng khối:							**19.458.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.440.654 đồng/học kỳ								
226. Khối lớp: ST2563A								
Lớp: ST2563A1								
1	B2503239	Tạ Thị Sà Khiêm	14	93	3.57	Giỏi	9.834.000	
2	B2503260	Nguyễn Ngọc Tài	14	82	3.79	Giỏi	9.834.000	
Cộng khối:							**19.668.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.988.690 đồng/học kỳ								
227. Khối lớp: ST25D5A								
Lớp: ST25D5A1								
1	B2505772	Nguyễn Chi Bảo	15	92	3.7	Xuất sắc	12.090.000	
2	B2505794	Nguyễn Thanh Thảo Ngọc	15	97	3.63	Xuất sắc	12.090.000	
Cộng khối:							**24.180.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.979.980 đồng/học kỳ								
228. Khối lớp: ST25N2A								
Lớp: ST25N2A1								
1	B2506774	Kiêm Nhật Thanh	18	90	3.81	Xuất sắc	14.040.000	
Cộng khối:							**14.040.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.658.093 đồng/học kỳ								
229. Khối lớp: TD23X6A								
Lớp: TD23X6A1								
1	B2307763	Trần Hồng Huyễn	14	100	4	Xuất sắc	10.584.000	
2	B2307782	Phạm Hồ Phỉ	17	100	4	Xuất sắc	12.852.000	
Cộng khối:							**23.436.000**	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.369.168 đồng/học kỳ								
230. Khối lớp: TD24X6A								
Lớp: TD24X6A1								
1	B2410179	Huỳnh Phú Trọng	15	100	4	Xuất sắc	11.340.000	
Cộng khối:							**11.340.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.710.504 đồng/học kỳ								
231. Khối lớp: TD25X6A								
Lớp: TD25X6A1								
1	B2511137	Nguyễn Quốc Bảo	13	90	3.81	Xuất sắc	9.828.000	
2	B2511141	Võ Khắc Duy	13	97	3.88	Xuất sắc	9.828.000	
3	B2511199	Tô Phát Tài	13	97	3.88	Xuất sắc	9.828.000	
Lớp: TD25X6A2								
1	B2511176	Phạm Thị Xuân My	13	96	4	Xuất sắc	9.828.000	
Cộng khối:							**39.312.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 42.751.728 đồng/học kỳ								
232. Khối lớp: TN22S3A								
Lớp: TN22S3A1								
1	B2204203	Phạm Trí Sáng	17	72	4	Khá	12.835.000	
Cộng khối:							**12.835.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.377.358 đồng/học kỳ								
233. Khối lớp: TN22S5A								
Lớp: TN22S5A1								
1	B2202011	Nguyễn Phi Dương	15	70	2.67	Khá	11.325.000	
2	B2202048	Mạc Minh Nhất	15	79	3.5	Khá	11.325.000	
Cộng khối:							**22.650.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.336.974 đồng/học kỳ								
234. Khối lớp: TN22T1A								
Lớp: TN22T1A1								
1	B2204231	La Ngọc Sơn Hà	17	65	2.94	Khá	12.835.000	
2	B2204278	Trần Đức Trọng	15	65	3	Khá	11.325.000	
Cộng khối:							**24.160.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.594.668 đồng/học kỳ								
235. Khối lớp: TN22T4A								
Lớp: TN22T4A1								
1	B2204413	La Vi	12	65	3.08	Khá	8.810.000	
Cộng khối:							**8.810.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.889.240 đồng/học kỳ								
236. Khối lớp: TN22T5A								
Lớp: TN22T5A1								
1	B2204434	Lâm Hi	17	82	3.21	Giỏi	14.118.500	
2	B2204473	Lê Quốc Thắng	17	85	3.88	Giỏi	13.843.500	
Cộng khối:							**27.962.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.187.546 đồng/học kỳ								
237. Khối lớp: TN22T6A								
Lớp: TN22T6A1								
1	B2204573	Nguyễn Thêm Lộc	15	82	4	Giỏi	12.457.500	
2	B2204583	Huỳnh Trung Quân	15	82	4	Giỏi	12.457.500	
Cộng khối:							**24.915.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.697.240 đồng/học kỳ								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
238. Khối lớp: TN22T7A								
Lớp: TN22T7A1								
1	B2204657	Trần Hoàng Nhân	15	65	3	Khá	11.325.000	
2	B2204671	Nguyễn Chí Thanh	15	67	2.5	Khá	11.325.000	
Lớp: TN22T7A2								
1	B2204693	Trần Tuấn Anh	15	65	3	Khá	11.325.000	
Cộng khối:							**33.975.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.744.028 đồng/học kỳ								
239. Khối lớp: TN22T8A								
Lớp: TN22T8A1								
1	B2204853	Doãn Đình Hồng Hà	15	82	4	Giỏi	12.457.500	
2	B2204859	Hồ Quang Huy	15	82	4	Giỏi	12.457.500	
Cộng khối:							**24.915.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.255.280 đồng/học kỳ								
240. Khối lớp: TN22V6A								
Lớp: TN22V6A1								
1	B2205728	Nguyễn Lê Minh Ngọc	17	67	3.82	Khá	12.835.000	
Cộng khối:							**12.835.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 12.173.760 đồng/học kỳ								
241. Khối lớp: TN22Y8A								
Lớp: TN22Y8A1								
1	B2207388	Nguyễn Trung Dũng	12	80	3.25	Giỏi	9.966.000	
2	B2207418	Dương Thanh Phong	15	94	4	Xuất sắc	13.590.000	
Cộng khối:							**23.556.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.404.138 đồng/học kỳ								
242. Khối lớp: TN22Z5A								
Lớp: TN22Z5A1								
1	B2207506	Đỗ Đức Trung	15	67	4	Khá	11.325.000	
Cộng khối:							**11.325.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 11.406.600 đồng/học kỳ								
243. Khối lớp: TN2383A								
Lớp: TN2383A1								
1	B2303437	Phùng Văn Mạnh	15	95	3.9	Xuất sắc	13.590.000	
Lớp: TN2383A2								
1	B2303478	Huỳnh Xuân Khánh	16	93	3.75	Xuất sắc	14.496.000	
2	B2303499	Nguyễn Ngọc Thảo	17	97	3.74	Xuất sắc	15.402.000	
Cộng khối:							**43.488.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.351.707 đồng/học kỳ								
244. Khối lớp: TN2384A								
Lớp: TN2384A1								
1	B2302235	Võ Minh Huy	16	96	3.72	Xuất sắc	14.496.000	
Cộng khối:							**14.496.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 12.688.531 đồng/học kỳ								
245. Khối lớp: TN23D5A								
Lớp: TN23D5A1								
1	B2304268	Nguyễn Ngọc Hân	15	97	3.8	Xuất sắc	13.590.000	
Lớp: TN23D5A2								
1	B2304315	Lê Quốc Đại	12	92	3.88	Xuất sắc	10.872.000	
2	B2304327	Phan Thành Luân	12	98	3.83	Xuất sắc	10.872.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
3	B2304358	Trương Thúy Hà Vy	13	100	3.81	Xuất sắc	11.778.000	
Cộng khối:							**47.112.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 41.735.635 đồng/học kỳ								
246. Khối lớp: TN23S3A								
Lớp: TN23S3A1								
1	B2304642	Trịnh Hồng Khanh	14	90	4	Xuất sắc	12.684.000	
2	B2304656	Bùi Bá Phúc	14	91	4	Xuất sắc	12.684.000	
Cộng khối:							**25.368.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.544.331 đồng/học kỳ								
247. Khối lớp: TN23S5A								
Lớp: TN23S5A1								
1	B2302289	Nguyễn Thái Vy	12	97	4	Xuất sắc	10.872.000	
Lớp: TN23S5A2								
1	B2302322	Nguyễn Tài Lộc	15	100	4	Xuất sắc	13.590.000	
2	B2302331	Phạm Khôi Nguyên	13	100	4	Xuất sắc	11.778.000	
3	B2302347	Lê Hoàng Thắng	13	97	4	Xuất sắc	11.778.000	
Cộng khối:							**48.018.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 46.063.930 đồng/học kỳ								
248. Khối lớp: TN23S7A								
Lớp: TN23S7A1								
1	B2304705	Trương Thành Lộc	14	92	3.79	Xuất sắc	12.384.000	
Cộng khối:							**12.384.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.443.640 đồng/học kỳ								
249. Khối lớp: TN23T1A								
Lớp: TN23T1A1								
1	B2304915	Nguyễn Trường Phát	13	97	3.77	Xuất sắc	11.778.000	
Cộng khối:							**11.778.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.191.808 đồng/học kỳ								
250. Khối lớp: TN23T4A								
Lớp: TN23T4A1								
1	B2305040	Phạm Rạng Đông	18	93	4	Xuất sắc	16.158.000	
Cộng khối:							**16.158.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 12.365.424 đồng/học kỳ								
251. Khối lớp: TN23T5A								
Lớp: TN23T5A1								
1	B2305076	Nguyễn Hồng Lê Anh	13	95	3.81	Xuất sắc	11.778.000	
2	B2305093	Tiêu Hữu Hậu	17	90	3.79	Xuất sắc	15.402.000	
3	B2305109	Nguyễn Nhật Minh Khôi	13	95	3.77	Xuất sắc	11.778.000	
Cộng khối:							**38.958.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 40.380.581 đồng/học kỳ								
252. Khối lớp: TN23T6A								
Lớp: TN23T6A1								
1	B2305233	Lê Phan Nguyên Khánh	14	90	3.89	Xuất sắc	12.684.000	
2	B2305247	Vưu Quang Nhân	14	95	3.68	Xuất sắc	12.684.000	
Cộng khối:							**25.368.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.900.640 đồng/học kỳ								
253. Khối lớp: TN23T7A								
Lớp: TN23T7A1								
1	B2305275	Đỗ Thành An	17	97	3.79	Xuất sắc	15.402.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
2	B2305312	Lê Thị Kiều	12	100	3.83	Xuất sắc	10.872.000	
3	B2305321	Bùi Chí Nhân	13	90	3.81	Xuất sắc	11.778.000	
Lớp: TN23T7A2								
1	B2305404	Huỳnh Hữu Phúc	15	92	3.83	Xuất sắc	13.590.000	
2	B2305423	Nguyễn Văn Toàn	16	92	3.81	Xuất sắc	14.496.000	
Cộng khối:							**66.138.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 71.083.447 đồng/học kỳ								
254. Khối lớp: TN23T8A								
Lớp: TN23T8A1								
1	B2305551	Nguyễn Thanh Tiền	15	95	3.87	Xuất sắc	13.590.000	
Cộng khối:							**13.590.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.979.040 đồng/học kỳ								
255. Khối lớp: TN23V6A								
Lớp: TN23V6A1								
1	B2306369	Phạm Hải Đăng	18	100	4	Xuất sắc	16.308.000	
2	B2306374	Nguyễn Trần Việt Huy	14	100	4	Xuất sắc	12.684.000	
3	B2306389	Phạm Ngọc Như	14	100	4	Xuất sắc	12.684.000	
4	B2306412	Huỳnh Phan Khả Trân	18	100	4	Xuất sắc	16.308.000	
5	B2306416	Phan Thị Trúc Vy	14	100	4	Xuất sắc	12.684.000	
Lớp: TN23V6A2								
1	B2306466	Võ Thị Huỳnh Trâm	20	100	4	Xuất sắc	18.120.000	
Cộng khối:							**88.788.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 54.764.431 đồng/học kỳ								
256. Khối lớp: TN23Y8A								
Lớp: TN23Y8A1								
1	B2308215	Mai Hoàng Thuận	15	98	3.9	Xuất sắc	13.590.000	
2	B2308221	Lê Chí Toàn	15	90	3.93	Xuất sắc	13.440.000	
3	B2308232	Nguyễn Quốc Tuấn	16	100	4	Xuất sắc	14.496.000	
Cộng khối:							**41.526.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.867.053 đồng/học kỳ								
257. Khối lớp: TN23Z5A								
Lớp: TN23Z5A1								
1	B2308327	Thạch Thảo	15	93	3.77	Xuất sắc	13.590.000	
2	B2308330	Đặng Xuân Thủy	15	93	3.77	Xuất sắc	13.290.000	
3	B2308331	Nguyễn Trung Thừa	13	95	3.88	Xuất sắc	11.778.000	
Cộng khối:							**38.658.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.863.269 đồng/học kỳ								
258. Khối lớp: TN2483A								
Lớp: TN2483A1								
1	B2404540	Huỳnh Thị Yến Nhi	13	90	3.81	Xuất sắc	11.478.000	
2	B2404578	Trần Thị Chúc Xuân	12	92	3.75	Xuất sắc	10.572.000	
Lớp: TN2483A2								
1	B2404523	Lâm Tuyết Kha	13	100	3.81	Xuất sắc	11.478.000	
2	B2404537	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	12	100	3.91	Xuất sắc	10.422.000	
Cộng khối:							**43.950.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 40.354.286 đồng/học kỳ								
259. Khối lớp: TN2484A								
Lớp: TN2484A1								
1	B2402911	Võ Nguyễn Đăng Khoa	12	93	3.59	Giỏi	9.828.500	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
2	B2402916	Võ Khánh Nam	15	88	3.57	Giỏi	12.182.500	
Lớp: TN2484A2								
1	B2402947	Lê Khánh Duy	17	88	3.56	Giỏi	13.843.500	
2	B2402986	Nguyễn Hoàng Nhựt Tiến	13	88	3.67	Giỏi	10.659.000	
Cộng khối:							**46.513.500**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 43.799.616 đồng/học kỳ								
260. Khối lớp: TN24B1A								
Lớp: TN24B1A1								
1	B2405157	Nguyễn Tiến Đạt	14	96	3.85	Xuất sắc	11.934.000	
2	B2405168	Đoàn Văn Hiền	14	100	3.77	Xuất sắc	12.534.000	
3	B2405170	Nguyễn Thanh Hòa	12	95	3.68	Xuất sắc	10.422.000	
Cộng khối:							**34.890.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.178.758 đồng/học kỳ								
261. Khối lớp: TN24B2A								
Lớp: TN24B2A1								
1	B2405266	Trần Thị Kim Ngân	16	97	3.9	Xuất sắc	14.046.000	
2	B2405267	Bùi Chánh Hồng Ngọc	15	95	3.9	Xuất sắc	13.290.000	
Cộng khối:							**27.336.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.295.440 đồng/học kỳ								
262. Khối lớp: TN24B3A								
Lớp: TN24B3A1								
1	B2405314	Nguyễn Quốc Minh	12	97	3.86	Xuất sắc	10.422.000	
Lớp: TN24B3A2								
1	B2405338	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	12	91	3.86	Xuất sắc	10.422.000	
2	B2405369	Bùi Minh Quân	15	97	3.9	Xuất sắc	13.290.000	
3	B2405380	Trần Phạm Nhã Uyên	12	93	4	Xuất sắc	10.422.000	
Cộng khối:							**44.556.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 43.279.704 đồng/học kỳ								
263. Khối lớp: TN24D5A								
Lớp: TN24D5A1								
1	B2405712	Trương Thanh Huy	14	95	4	Xuất sắc	12.384.000	
2	B2405720	Nguyễn Hồng Lĩnh	15	95	4	Xuất sắc	13.140.000	
Lớp: TN24D5A2								
1	B2405780	Nguyễn Thị Thoại Mỹ	19	95	4	Xuất sắc	16.764.000	
2	B2405788	Hồ Trọng Phúc	14	92	4	Xuất sắc	12.384.000	
Cộng khối:							**54.672.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 52.645.075 đồng/học kỳ								
264. Khối lớp: TN24S3A								
Lớp: TN24S3A1								
1	B2406270	Trần Trung Huy	13	90	3.77	Xuất sắc	11.478.000	
2	B2406306	Nguyễn Minh Thuận	14	95	3.82	Xuất sắc	12.384.000	
3	B2406308	Võ Minh Triết	13	90	3.88	Xuất sắc	11.478.000	
Cộng khối:							**35.340.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.108.394 đồng/học kỳ								
265. Khối lớp: TN24S7A								
Lớp: TN24S7A1								
1	B2406341	Nguyễn Phước Kiệt	14	98	3.86	Xuất sắc	12.084.000	
Lớp: TN24S7A2								
1	B2406385	Bùi Thị Thuý Hằng	13	93	3.75	Xuất sắc	11.628.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
2	B2406401	Hồ Minh Nhí	13	92	3.67	Xuất sắc	11.328.000	
Cộng khối:							**35.040.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.116.504 đồng/học kỳ								
266. Khối lớp: TN24T1A								
Lớp: TN24T1A2								
1	B2406663	Nguyễn Đức Duy	14	92	3.86	Xuất sắc	12.384.000	
2	B2406699	Bùi Đại Lợi	13	97	3.67	Xuất sắc	11.328.000	
3	B2406712	Phạm Hoàng Thảo Nhi	13	97	3.67	Xuất sắc	11.328.000	
Cộng khối:							**35.040.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.172.960 đồng/học kỳ								
267. Khối lớp: TN24T4A								
Lớp: TN24T4A1								
1	B2406863	Trần Bảo Bảo	14	95	4	Xuất sắc	12.234.000	
2	B2406884	Nguyễn Khải Minh	12	97	4	Xuất sắc	10.572.000	
Cộng khối:							**22.806.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.920.000 đồng/học kỳ								
268. Khối lớp: TN24T5A								
Lớp: TN24T5A1								
1	B2406932	Trần Văn Kim Khoa	14	94	3.68	Xuất sắc	12.384.000	
Lớp: TN24T5A2								
1	B2406968	Đỗ Dũ Bằng	12	97	3.88	Xuất sắc	10.572.000	
2	B2406972	Nguyễn Hải Dương	12	100	3.71	Xuất sắc	10.572.000	
3	B2406977	Trần Nguyễn Gia Hào	12	99	3.75	Xuất sắc	10.572.000	
Cộng khối:							**44.100.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 48.141.288 đồng/học kỳ								
269. Khối lớp: TN24T6A								
Lớp: TN24T6A2								
1	B2407087	Phan Thái Duy	13	95	3.62	Xuất sắc	11.478.000	
2	B2407136	Hoàng Đại Thành Thái	13	98	3.85	Xuất sắc	11.478.000	
3	B2407147	Trần Quốc Toàn	13	95	3.77	Xuất sắc	11.478.000	
Cộng khối:							**34.434.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.540.118 đồng/học kỳ								
270. Khối lớp: TN24T7A								
Lớp: TN24T7A1								
1	B2407178	Trần Hoàng Hưng	13	93	3.92	Xuất sắc	11.478.000	
2	B2407209	Nguyễn Hoàng Thiện	14	100	3.92	Xuất sắc	12.234.000	
Lớp: TN24T7A2								
1	B2407242	Phạm Gia Huy	14	95	3.85	Xuất sắc	12.234.000	
2	B2407256	Lê Minh Lộc	14	90	3.86	Xuất sắc	12.684.000	
3	B2407279	Trương Quang Tiến	13	93	3.77	Xuất sắc	11.478.000	
4	B2407285	Nguyễn Mạnh Tường	12	93	3.79	Xuất sắc	10.872.000	
Cộng khối:							**70.980.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 70.988.026 đồng/học kỳ								
271. Khối lớp: TN24T8A								
Lớp: TN24T8A1								
1	B2407458	Thái Thị Huyền Anh	17	93	3.82	Xuất sắc	15.102.000	
Cộng khối:							**15.102.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.544.616 đồng/học kỳ								
272. Khối lớp: TN24V6A								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Lớp: TN24V6A1								
1	B2408626	Nguyễn Minh Khang	16	95	4	Xuất sắc	14.046.000	
2	B2408629	Trần Anh Kiệt	15	96	4	Xuất sắc	13.290.000	
3	B2408635	Nguyễn Thảo Ngân	14	95	4	Xuất sắc	12.384.000	
Lớp: TN24V6A2								
1	B2408669	Huỳnh Công Chí	16	95	4	Xuất sắc	14.196.000	
2	B2408687	Liêu Quốc Khiêm	18	95	4	Xuất sắc	16.008.000	
Cộng khối:							**69.924.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 58.124.448 đồng/học kỳ								
273. Khối lớp: TN24Y8A								
Lớp: TN24Y8A1								
1	B2410530	Châu Thế Anh	13	96	3.73	Xuất sắc	11.478.000	
2	B2410568	Trương Phi Long	14	95	3.93	Xuất sắc	12.384.000	
3	B2410590	Đoàn Thảo	13	100	4	Xuất sắc	11.478.000	
Cộng khối:							**35.340.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.696.482 đồng/học kỳ								
274. Khối lớp: TN2583A								
Lớp: TN2583A1								
1	B2504473	Nguyễn Quốc Thịnh	14	97	4	Xuất sắc	12.084.000	
2	B2504482	Trần Minh Tiến	14	97	3.86	Xuất sắc	12.084.000	
3	B2504489	Trần Ngọc Phương Trinh	13	97	3.88	Xuất sắc	11.328.000	
Lớp: TN2583A2								
1	B2504474	Lê Khắc Thuần	15	93	3.89	Xuất sắc	13.140.000	
Cộng khối:							**48.636.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 43.603.560 đồng/học kỳ								
275. Khối lớp: TN2584A								
Lớp: TN2584A1								
1	B2502708	Quách Nhật Hào	14	90	3.81	Xuất sắc	11.784.000	
Lớp: TN2584A2								
1	B2502754	Trang Khải An	15	97	3.83	Xuất sắc	12.990.000	
2	B2502790	Trần Minh Phúc	13	95	3.88	Xuất sắc	11.328.000	
3	B2502797	Trần Nguyễn Quốc Thái	15	90	3.83	Xuất sắc	12.990.000	
Cộng khối:							**49.092.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 52.541.604 đồng/học kỳ								
276. Khối lớp: TN25B1A								
Lớp: TN25B1A1								
1	B2505099	Nguyễn Ngọc Hoài	16	91	3.47	Giỏi	13.013.000	
2	B2505105	Lê Hoàng Khang	16	82	3.23	Giỏi	12.600.500	
3	B2505122	Nguyễn Hoàng Phúc	13	88	3.58	Giỏi	10.521.500	
4	B2505137	Nguyễn Trương Trực	15	87	3.53	Giỏi	11.907.500	
Lớp: TN25B1A2								
1	B2505156	Trần Tiến Đạt	16	97	3.3	Giỏi	12.875.500	
Cộng khối:							**60.918.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 58.945.399 đồng/học kỳ								
277. Khối lớp: TN25B2A								
Lớp: TN25B2A1								
1	B2505231	Nguyễn Thanh Mạnh	14	93	3.82	Xuất sắc	12.384.000	
2	B2505247	Trần Đắc Hồng Phúc	14	100	3.89	Xuất sắc	12.384.000	
3	B2505258	Võ Phước Thịnh	14	90	3.71	Xuất sắc	12.384.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Cộng khối:							**37.152.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.181.520 đồng/học kỳ								
278. Khối lớp: TN25B3A								
Lớp: TN25B3A1								
1	B2505299	Trần Tuấn Kiệt	13	97	4	Xuất sắc	11.778.000	
2	B2505319	Võ Thuận Thiên	14	97	4	Xuất sắc	12.234.000	
Lớp: TN25B3A2								
1	B2505362	Nguyễn Minh Nhựt	17	97	3.85	Xuất sắc	14.802.000	
2	B2505374	Nguyễn Trí Thịnh	15	95	3.9	Xuất sắc	14.802.000	
3	B2505381	Mai Chí Vinh	12	90	3.88	Xuất sắc	10.272.000	
Cộng khối:							**63.888.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 62.035.253 đồng/học kỳ								
279. Khối lớp: TN25D5A								
Lớp: TN25D5A1								
1	B2505685	Võ Kiều Anh	15	90	3.93	Xuất sắc	12.690.000	
2	B2505689	Chế Ngọc Ánh Dương	16	98	4	Xuất sắc	14.046.000	
3	B2505724	Hàng Tiểu Yến	14	97	3.93	Xuất sắc	11.934.000	
Lớp: TN25D5A2								
1	B2505757	Trần Ngọc Anh Thư	13	97	3.88	Xuất sắc	11.178.000	
Cộng khối:							**49.848.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 50.807.880 đồng/học kỳ								
280. Khối lớp: TN25S3A								
Lớp: TN25S3A1								
1	B2506940	Giang Nhật Anh	13	92	3.75	Xuất sắc	11.328.000	
2	B2506945	Nguyễn Trọng Duy	13	95	3.71	Xuất sắc	11.328.000	
3	B2507023	Lê Văn Trọng	12	90	3.86	Xuất sắc	10.122.000	
Lớp: TN25S3A2								
1	B2507002	Lý Khai Tâm	14	97	3.75	Xuất sắc	12.084.000	
Cộng khối:							**44.862.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 41.167.080 đồng/học kỳ								
281. Khối lớp: TN25S7A								
Lớp: TN25S7A2								
1	B2507124	Trần Gia Huy	13	99	3.81	Xuất sắc	10.578.000	
2	B2507141	Nguyễn Minh Nghị	13	90	3.77	Xuất sắc	10.578.000	
3	B2507144	Nguyễn Hồ Hồng Ngọc	13	95	3.69	Xuất sắc	10.578.000	
4	B2507147	Lê Huỳnh Nhung	13	100	3.77	Xuất sắc	10.578.000	
5	B2507167	Lê Huỳnh Nhựt Trí	13	95	3.77	Xuất sắc	10.578.000	
Cộng khối:							**52.890.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 51.239.059 đồng/học kỳ								
282. Khối lớp: TN25T1A								
Lớp: TN25T1A1								
1	B2507407	Nguyễn Minh Hậu	14	97	3.92	Xuất sắc	11.934.000	
2	B2507411	Lê Nguyễn Gia Huy	14	95	3.92	Xuất sắc	11.934.000	
Cộng khối:							**23.868.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.974.240 đồng/học kỳ								
283. Khối lớp: TN25T4A								
Lớp: TN25T4A1								
1	B2507578	Nguyễn Lê Kim Anh	15	88	3.77	Giỏi	11.632.500	
2	B2507633	Lê Thị Thúy Vy	18	97	3.72	Xuất sắc	15.708.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Cộng khối:							**27.340.500**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.845.191 đồng/học kỳ								
284. Khối lớp: TN25T5A								
Lớp: TN25T5A1								
1	B2507699	Lê Trường Vũ	13	83	3.77	Giỏi	9.971.500	
Lớp: TN25T5A2								
1	B2507709	Danh Tuấn Đạt	12	89	3.68	Giỏi	9.003.500	
2	B2507718	Huỳnh Minh Hiếu	12	95	3.73	Xuất sắc	10.122.000	
3	B2507724	Nguyễn Hoàng Khang	12	80	3.64	Giỏi	10.664.500	
4	B2507743	Trần Trịnh Trí Nhân	14	95	3.86	Xuất sắc	12.384.000	
Cộng khối:							**52.145.500**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 47.726.640 đồng/học kỳ								
285. Khối lớp: TN25T6A								
Lớp: TN25T6A1								
1	B2507846	Lê Thanh Khả	13	97	3.81	Xuất sắc	11.178.000	
2	B2507868	Nguyễn Văn Thiên	13	90	3.65	Xuất sắc	11.178.000	
Lớp: TN25T6A2								
1	B2507883	Đào Trọng Dũng	15	97	3.89	Xuất sắc	12.840.000	
2	B2507917	Nguyễn Trọng Phúc	12	94	3.83	Xuất sắc	10.272.000	
3	B2507918	Mai Thanh Quyên	13	97	4	Xuất sắc	11.328.000	
Cộng khối:							**56.796.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 51.905.268 đồng/học kỳ								
286. Khối lớp: TN25T7A								
Lớp: TN25T7A1								
1	B2507973	Lê Văn Khải	12	96	3.79	Xuất sắc	9.972.000	
2	B2507998	Nguyễn Tấn Phát	13	100	3.92	Xuất sắc	10.728.000	
Lớp: TN25T7A2								
1	B2508068	Trần Khánh Hưng	12	92	3.91	Xuất sắc	10.422.000	
2	B2508118	Nguyễn Trường Thịnh	14	95	3.65	Xuất sắc	11.934.000	
3	B2508123	Nguyễn Huỳnh Tiến	13	95	4	Xuất sắc	11.178.000	
4	B2508126	Võ Thị Thùy Trang	13	90	3.73	Xuất sắc	11.178.000	
Lớp: TN25T7A3								
1	B2508181	Nguyễn Châu Phương Linh	13	90	3.88	Xuất sắc	11.178.000	
2	B2508201	Trần Gia Phát	13	98	3.75	Xuất sắc	11.028.000	
3	B2508202	Huỳnh Lê Thiên Phú	14	95	3.86	Xuất sắc	11.784.000	
4	B2508220	Nguyễn Quốc Thới	12	97	3.64	Xuất sắc	10.422.000	
Lớp: TN25T7A4								
1	B2507972	Trần Hoàng Khánh	14	95	3.68	Xuất sắc	11.934.000	
2	B2507988	Trương Hoàng Nghĩa	12	95	3.73	Xuất sắc	10.722.000	
Cộng khối:							**132.480.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 131.542.114 đồng/học kỳ								
287. Khối lớp: TN25T8A								
Lớp: TN25T8A1								
1	B2508327	Vũ Thế Hiển	12	100	3.91	Xuất sắc	10.422.000	
Cộng khối:							**10.422.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.778.440 đồng/học kỳ								
288. Khối lớp: TN25V6A								
Lớp: TN25V6A1								
1	B2509526	Nguyễn Đình Triết	20	97	3.87	Xuất sắc	17.670.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
2	B2509533	Lê Thanh Vinh	20	90	3.92	Xuất sắc	17.670.000	
Lớp: TN25V6A2								
1	B2509550	Lê Văn Khánh Hân	16	97	3.91	Xuất sắc	13.896.000	
2	B2509555	Huỳnh Thanh Khang	17	97	3.91	Xuất sắc	14.502.000	
3	B2509596	Võ Thị Thanh Trúc	15	95	3.9	Xuất sắc	12.990.000	
Cộng khối:							**76.728.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 80.137.044 đồng/học kỳ								
289. Khối lớp: TN25Y8A								
Lớp: TN25Y8A1								
1	B2511506	Trần Lan Anh	14	95	4	Xuất sắc	11.934.000	
2	B2511578	Lê Ngọc Thắng	13	92	4	Xuất sắc	11.178.000	
3	B2511583	Lâm Hoàng Thịnh	13	93	4	Xuất sắc	11.178.000	
4	B2511585	Tống Mỹ Thọ	14	91	4	Xuất sắc	11.934.000	
5	B2511595	Nguyễn Lê Công Uy	12	95	4	Xuất sắc	10.422.000	
Cộng khối:							**56.646.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 53.395.740 đồng/học kỳ								
290. Khối lớp: TS2213A								
Lớp: TS2213A1								
1	B2200368	Lê Ngọc Tường Vy	17	67	3.76	Khá	12.835.000	
Lớp: TS2213A2								
1	B2200384	Nguyễn Minh Kha	16	67	4	Khá	11.955.000	
Cộng khối:							**24.790.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.511.081 đồng/học kỳ								
291. Khối lớp: TS2276A								
Lớp: TS2276A2								
1	B2202863	Trần Kim Điền	15	67	4	Khá	11.325.000	
2	B2202881	Châu Nguyễn Khôi Nguyên	18	70	3.88	Khá	14.975.000	
Cộng khối:							**26.300.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.123.691 đồng/học kỳ								
292. Khối lớp: TS2282A								
Lớp: TS2282A1								
1	B2203016	Đặng Mỹ Yến Nhi	15	67	4	Khá	11.325.000	
2	B2203034	Nguyễn Hoàng Tín	15	75	4	Khá	11.325.000	
Lớp: TS2282A2								
1	B2203070	Nguyễn Văn Khang	15	67	4	Khá	11.325.000	
Cộng khối:							**33.975.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.141.736 đồng/học kỳ								
293. Khối lớp: TS2313A								
Lớp: TS2313A1								
1	B2300345	Nguyễn Nhật Hào	12	97	3.83	Xuất sắc	10.872.000	
2	B2300354	Đỗ Ngọc Dương Khang	12	97	3.83	Xuất sắc	10.872.000	
3	B2300366	Nguyễn Minh Lợi	12	100	3.92	Xuất sắc	10.872.000	
4	B2300384	Trần Duy Phát	12	95	3.92	Xuất sắc	10.872.000	
5	B2300389	Nguyễn Nhật Quỳnh	12	93	3.92	Xuất sắc	10.872.000	
Lớp: TS2313A2								
1	B2300449	Lương Tuấn Minh	12	100	3.83	Xuất sắc	10.872.000	
Lớp: TS2313A3								
1	B2300543	Phạm Minh Nhựt	12	100	3.83	Xuất sắc	10.572.000	
Cộng khối:							**75.804.000**	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 79.921.526 đồng/học kỳ								
294. Khối lớp: TS2376A								
Lớp: TS2376A1								
1	B2303129	Đỗ Thị Thúy Quyền	17	98	4	Xuất sắc	15.402.000	
Lớp: TS2376A2								
1	B2303167	Đặng Thanh Phong	12	95	3.67	Xuất sắc	10.872.000	
Cộng khối:							**26.274.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.231.691 đồng/học kỳ								
295. Khối lớp: TS2382A								
Lớp: TS2382A1								
1	B2303265	Huỳnh Thị Thùy Dương	12	100	4	Xuất sắc	10.872.000	
2	B2303267	Phạm Chí Đạt	12	100	3.92	Xuất sắc	10.872.000	
3	B2303277	Trần Quốc Khanh	12	92	4	Xuất sắc	10.872.000	
Lớp: TS2382A2								
1	B2303379	Trần Kim Ngân	12	97	4	Xuất sắc	10.872.000	
2	B2303413	Đặng Hoàng Trúc	12	97	4	Xuất sắc	10.872.000	
Cộng khối:							**54.360.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 59.866.927 đồng/học kỳ								
296. Khối lớp: TS23S2A								
Lớp: TS23S2A1								
1	B2304500	Thạch Thúy An	16	93	3.88	Xuất sắc	14.496.000	
Lớp: TS23S2A2								
1	B2304565	Sơn Trung Hiếu	20	93	4	Xuất sắc	18.120.000	
Cộng khối:							**32.616.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.873.814 đồng/học kỳ								
297. Khối lớp: TS2413A								
Lớp: TS2413A1								
1	B2400611	Nguyễn Văn Đoán	13	97	4	Xuất sắc	11.778.000	
2	B2400627	Lê Tuấn Khôi	13	98	3.92	Xuất sắc	11.778.000	
Lớp: TS2413A2								
1	B2400753	Trần Chí Vĩ	15	90	3.93	Xuất sắc	13.590.000	
Lớp: TS2413A3								
1	B2400783	Nguyễn Hoàng Khánh	13	90	4	Xuất sắc	11.778.000	
2	B2400801	Nguyễn Khánh Nguyên	13	97	4	Xuất sắc	11.778.000	
3	B2400827	Nguyễn Bảo Trọng	13	97	3.92	Xuất sắc	11.778.000	
Lớp: TS2413A4								
1	B2400842	Lê Bùi Ngọc Diễm	13	93	3.92	Xuất sắc	11.778.000	
2	B2400887	Trương Hoài Phú	13	90	4	Xuất sắc	11.778.000	
3	B2400901	Nguyễn Lâm Khang Tính	13	96	3.92	Xuất sắc	11.778.000	
Cộng khối:							**107.814.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 102.829.882 đồng/học kỳ								
298. Khối lớp: TS2476A								
Lớp: TS2476A1								
1	B2404224	Huỳnh Thị Phương Quyên	12	91	3.75	Xuất sắc	10.872.000	
2	B2404226	Nguyễn Thanh Tâm	13	90	3.75	Xuất sắc	11.628.000	
3	B2404254	Nguyễn Quốc Vinh	13	90	3.92	Xuất sắc	11.628.000	
Cộng khối:							**34.128.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.794.256 đồng/học kỳ								
299. Khối lớp: TS2482A								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Lớp: TS2482A1								
1	B2404387	Đặng Phương Vy	14	93	3.93	Xuất sắc	12.384.000	
Lớp: TS2482A2								
1	B2404392	Trương Hoàng Anh	15	90	3.86	Xuất sắc	13.140.000	
2	B2404431	Trần Nguyễn Thi Thơ	14	92	3.93	Xuất sắc	12.384.000	
Lớp: TS2482A3								
1	B2404446	Trịnh Mỹ Á	13	90	3.92	Xuất sắc	11.328.000	
2	B2404452	Phạm Thành Đạt	13	93	3.83	Xuất sắc	11.328.000	
3	B2404466	Nguyễn Thành Luân	13	90	3.92	Xuất sắc	11.328.000	
4	B2404484	Nguyễn Văn Thoại	13	93	3.83	Xuất sắc	11.328.000	
Cộng khối:							**83.220.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 72.484.279 đồng/học kỳ								
300. Khối lớp: TS24S2A								
Lớp: TS24S2A1								
1	B2406141	Đồng Văn Quí An	15	95	4	Xuất sắc	13.590.000	
2	B2406162	Nguyễn Hoài Linh	13	93	4	Xuất sắc	11.628.000	
Cộng khối:							**25.218.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.693.269 đồng/học kỳ								
301. Khối lớp: TS2513A								
Lớp: TS2513A1								
1	B2500560	Nguyễn Chí Ân	15	98	3.82	Xuất sắc	12.540.000	
2	B2500564	Hoàng Quốc Đạt	13	94	3.83	Xuất sắc	11.028.000	
3	B2500566	Trần Gia Đạt	13	90	3.67	Xuất sắc	11.028.000	
Lớp: TS2513A2								
1	B2500650	Phạm Thị Thanh Kiều	13	95	3.79	Xuất sắc	11.028.000	
2	B2500691	Phan Văn Tỷ	13	93	4	Xuất sắc	11.028.000	
Lớp: TS2513A3								
1	B2500708	Lê Trúc Hạ	13	93	3.92	Xuất sắc	10.878.000	
2	B2500751	Nguyễn Anh Thư	13	95	3.82	Xuất sắc	10.578.000	
Lớp: TS2513A4								
1	B2500813	Võ Minh Tâm	15	93	3.93	Xuất sắc	12.540.000	
2	B2500831	Lê Minh Văn	15	93	3.75	Xuất sắc	12.540.000	
Cộng khối:							**103.188.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 98.346.017 đồng/học kỳ								
302. Khối lớp: TS2576A								
Lớp: TS2576A1								
1	B2504155	Hồ Diệu Ngọc	15	98	3.79	Xuất sắc	12.840.000	
Cộng khối:							**12.840.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.595.122 đồng/học kỳ								
303. Khối lớp: TS2582A								
Lớp: TS2582A1								
1	B2504278	Nguyễn Bé Nhi	14	95	3.46	Giỏi	10.939.500	
2	B2504293	Nguyễn Anh Thư	14	95	3.65	Xuất sắc	11.934.000	
Lớp: TS2582A2								
1	B2504331	Trịnh Hữu Nghiệp	15	87	3.5	Giỏi	11.770.000	
2	B2504344	Nguyễn Kim Quyền	13	84	3.63	Giỏi	10.109.000	
3	B2504348	Võ Thị Thanh Thảo	12	83	3.86	Giỏi	9.278.500	
Lớp: TS2582A3								
1	B2504361	Trương Khánh Băng	14	87	3.81	Giỏi	10.939.500	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Cộng khối:							**64.970.500**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 66.819.283 đồng/học kỳ								
304. Khối lớp: TS25F1A								
Lớp: TS25F1A1								
1	B2506238	Lý Thị Tuyết Nhi	15	92	3.75	Xuất sắc	12.840.000	
2	B2506261	Lê Ngọc Trầm	12	83	3.59	Giỏi	9.278.500	
Cộng khối:							**22.118.500**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.975.454 đồng/học kỳ								
305. Khối lớp: TS25S2A								
Lớp: TS25S2A1								
1	B2506916	Nguyễn Thị Mỹ An	13	93	3.5	Giỏi	10.109.000	
Cộng khối:							**10.109.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 14.509.390 đồng/học kỳ								
306. Khối lớp: XH2380A								
Lớp: XH2380A1								
1	B2303226	Huỳnh Thanh Thảo	20	89	3.75	Giỏi	14.520.000	
Cộng khối:							**14.520.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 14.603.040 đồng/học kỳ								
307. Khối lớp: XH23U4A								
Lớp: XH23U4A1								
1	B2305764	Trần Thị Quế Trân	12	93	3.73	Xuất sắc	9.396.000	
Cộng khối:							**9.396.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 11.352.564 đồng/học kỳ								
308. Khối lớp: XH23W7A								
Lớp: XH23W7A1								
1	B2307294	Lê Quốc Cường	20	85	3.37	Giỏi	14.421.000	
Lớp: XH23W7A2								
1	B2307363	Đoàn Thị Lợi Thi	14	83	3.36	Giỏi	10.164.000	
Cộng khối:							**24.585.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.591.632 đồng/học kỳ								
309. Khối lớp: XH23W8A								
Lớp: XH23W8A2								
1	B2307463	Nguyễn Thị Hồng Tươi	13	100	4	Xuất sắc	10.296.000	
Cộng khối:							**10.296.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.048.713 đồng/học kỳ								
310. Khối lớp: XH2480A								
Lớp: XH2480A1								
1	B2404316	Trần Thị Thanh Thảo	12	95	3.79	Xuất sắc	9.504.000	
2	B2404317	Huỳnh Lê Anh Thơ	13	100	3.79	Xuất sắc	10.260.000	
3	B2404324	Nguyễn Ngọc Trâm	12	95	3.79	Xuất sắc	9.504.000	
Cộng khối:							**29.268.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.840.016 đồng/học kỳ								
311. Khối lớp: XH24N1A								
Lớp: XH24N1A1								
1	B2405855	Lê Thị Mộng Cầm	17	96	4	Xuất sắc	13.356.000	
2	B2405885	Trương Cẩm Ly	17	98	3.94	Xuất sắc	13.356.000	
Cộng khối:							**26.712.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.934.574 đồng/học kỳ								
312. Khối lớp: XH24N2A								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Lớp: XH24N2A1								
1	B2405959	Nguyễn Lâm Quang Vinh	17	100	3.94	Xuất sắc	13.464.000	
Cộng khối:							**13.464.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.171.786 đồng/học kỳ								
313. Khối lớp: XH24U4A								
Lớp: XH24U4A1								
1	B2407869	Huỳnh Võ Phương Thùy	15	93	3.93	Xuất sắc	11.772.000	
2	B2407882	Đỗ Thị Kiều Vy	14	100	4	Xuất sắc	11.016.000	
Cộng khối:							**22.788.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.464.400 đồng/học kỳ								
314. Khối lớp: XH24W7A								
Lớp: XH24W7A1								
1	B2409834	Nguyễn Trần Thoại Như	15	95	3.82	Xuất sắc	11.772.000	
2	B2409852	Nguyễn Ngọc Thảo	16	94	3.78	Xuất sắc	12.600.000	
3	B2409864	Lê Diễm Trinh	16	93	3.72	Xuất sắc	12.600.000	
Cộng khối:							**36.972.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.191.761 đồng/học kỳ								
315. Khối lớp: XH2580A								
Lớp: XH2580A1								
1	B2504178	Lê Thành Đạt	12	100	3.83	Xuất sắc	9.360.000	
2	B2504190	Bùi Gia Khánh	12	100	3.92	Xuất sắc	9.360.000	
3	B2504237	Nguyễn Ngọc Khánh Vy	13	97	3.83	Xuất sắc	10.116.000	
Cộng khối:							**28.836.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.966.160 đồng/học kỳ								
316. Khối lớp: XH25N1A								
Lớp: XH25N1A1								
1	B2506449	Nguyễn Hồng Anh	15	96	3.93	Xuất sắc	11.772.000	
2	B2506455	Lê Ngọc Diệp	15	95	3.79	Xuất sắc	11.772.000	
3	B2506469	Nguyễn Công Minh	15	91	3.79	Xuất sắc	11.772.000	
Lớp: XH25N1A2								
1	B2506541	Trương Lâm Anh Thư	15	92	3.89	Xuất sắc	11.772.000	
Cộng khối:							**47.088.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 42.317.078 đồng/học kỳ								
317. Khối lớp: XH25N2A								
Lớp: XH25N2A1								
1	B2506571	Lâm Chí Khanh	14	95	4	Xuất sắc	10.980.000	
2	B2506574	Nguyễn Vũ Thảo Lan	12	100	4	Xuất sắc	9.396.000	
3	B2506595	Châu Thị Mỹ Thoại	14	92	3.92	Xuất sắc	10.980.000	
Lớp: XH25N2A2								
1	B2506647	Trương Thị Thanh Thảo	14	95	3.92	Xuất sắc	10.980.000	
Cộng khối:							**42.336.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 43.566.048 đồng/học kỳ								
318. Khối lớp: XH25U4A								
Lớp: XH25U4A1								
1	B2508674	Phạm Kim Chi	15	99	3.93	Xuất sắc	11.700.000	
2	B2508714	Lê Huỳnh Như	15	93	3.96	Xuất sắc	11.700.000	
Lớp: XH25U4A2								
1	B2508699	Dương Thúy Ngân	14	93	3.92	Xuất sắc	10.908.000	
2	B2508706	Huỳnh Nguyên	15	93	3.93	Xuất sắc	11.700.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Cộng khối:							**46.008.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 46.878.912 đồng/học kỳ								
319. Khối lớp: XH25W7A								
Lớp: XH25W7A1								
1	B2510706	Trần Thái Thanh Ngân	12	95	3.83	Xuất sắc	9.504.000	
2	B2510731	Phạm Chí Vĩ	15	91	3.86	Xuất sắc	11.772.000	
Lớp: XH25W7A2								
1	B2510737	Lê Trần Hoài Bảo	17	94	3.66	Xuất sắc	13.284.000	
2	B2510755	Lê Nguyễn Minh Khôi	17	94	3.69	Xuất sắc	13.356.000	
Cộng khối:							**47.916.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 48.379.493 đồng/học kỳ								
320. Khối lớp: DA2308F								
Lớp: DA2308F1								
1	B2300224	Vũ Thanh Hà	17	95	3.87	Xuất sắc	18.873.600	
2	B2300246	Nguyễn Ngọc Phương Mai	15	95	3.73	Xuất sắc	17.815.200	
Cộng khối:							**36.688.800**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 42.540.696 đồng/học kỳ								
321. Khối lớp: DA2408F								
Lớp: DA2408F1								
1	B2400449	Chiêm Tiết An	14	100	3.62	Xuất sắc	17.569.200	
2	B2400450	Nguyễn Ngọc Lan Anh	15	91	3.79	Xuất sắc	18.986.400	
Lớp: DA2408F3								
1	B2400535	Phạm Huỳnh Nhi	12	95	3.73	Xuất sắc	14.734.800	
Cộng khối:							**51.290.400**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 49.184.640 đồng/học kỳ								
322. Khối lớp: DA2508F								
Lớp: DA2508F2								
1	B2500424	Võ Thị Như Bâng	13	91	3.65	Xuất sắc	11.455.200	
2	B2500444	Bùi Hoàng Ngân	13	95	3.65	Xuất sắc	11.455.200	
3	B2500464	Trần Lê Anh Thư	13	90	3.65	Xuất sắc	11.455.200	
Cộng khối:							**34.365.600**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.018.345 đồng/học kỳ								
323. Khối lớp: DI2296F								
Lớp: DI2296F1								
1	B2203561	Tiêu Lê Gia Linh	13	95	4	Xuất sắc	18.111.600	
Lớp: DI2296F2								
1	B2203572	Thạch Thanh Nhi	14	97	3.71	Xuất sắc	16.048.800	
Cộng khối:							**34.160.400**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.919.648 đồng/học kỳ								
324. Khối lớp: DI22V7F								
Lớp: DI22V7F2								
1	B2206024	Huỳnh Thị Thúy Vy	12	92	4	Xuất sắc	13.932.000	
Cộng khối:							**13.932.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.303.544 đồng/học kỳ								
325. Khối lớp: DI2396F								
Lớp: DI2396F1								
1	B2303907	Nguyễn Thị Ngọc Trân	13	100	4	Xuất sắc	17.815.200	
2	B2306662	Trần Quốc Tuấn Duy	15	98	3.9	Xuất sắc	18.873.600	
Cộng khối:							**36.688.800**	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.382.600 đồng/học kỳ								
326. Khối lớp: DI23V7F								
Lớp: DI23V7F1								
1	B2306680	Trần Thị Thúy Quỳnh	15	98	3.7	Xuất sắc	20.556.000	
2	B2306685	Võ Phan Minh Tiến	17	100	3.9	Xuất sắc	20.556.000	
Cộng khối:							**41.112.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.983.960 đồng/học kỳ								
327. Khối lớp: DI2495F								
Lớp: DI2495F1								
1	B2404942	Đào Thị Mỹ Huyền	14	97	3.68	Xuất sắc	17.419.200	
2	B2404954	Đinh Tuyết Ngân	13	98	3.75	Xuất sắc	16.759.200	
Cộng khối:							**34.178.400**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.001.592 đồng/học kỳ								
328. Khối lớp: DI2496F								
Lớp: DI2496F1								
1	B2405093	Lâm Nguyễn Trúc Quỳnh	14	93	3.88	Xuất sắc	16.143.600	
Lớp: DI2496F2								
1	B2405106	Lê Hoàng Anh	12	100	3.75	Xuất sắc	12.940.800	
2	B2405134	Đặng Lam Sơn	12	100	3.83	Xuất sắc	12.940.800	
Cộng khối:							**42.025.200**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 41.409.360 đồng/học kỳ								
329. Khối lớp: DI24V7F								
Lớp: DI24V7F1								
1	B2408946	Bí Nhựt Duy	13	90	3.88	Xuất sắc	15.394.800	
Lớp: DI24V7F2								
1	B2408992	Ngô Nguyễn Minh Đăng	12	97	4	Xuất sắc	14.054.400	
2	B2408994	Bùi Như Hưng	13	100	3.73	Xuất sắc	15.394.800	
3	B2409019	Nguyễn Cao Trí	12	97	4	Xuất sắc	14.734.800	
Cộng khối:							**59.578.800**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 53.127.864 đồng/học kỳ								
330. Khối lớp: DI2595F								
Lớp: DI2595F1								
1	B2504877	Trần Duy Khánh	14	98	3.57	Giỏi	11.939.400	
Cộng khối:							**11.939.400**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.233.008 đồng/học kỳ								
331. Khối lớp: DI2596F								
Lớp: DI2596F1								
1	B2505028	Thái Long Thành	16	96	3.94	Xuất sắc	18.604.800	
Lớp: DI2596F2								
1	B2505057	Lê Đăng Quan Minh	16	100	3.88	Xuất sắc	18.604.800	
2	B2505072	Phạm Văn Thiện	16	96	3.81	Xuất sắc	18.604.800	
Cộng khối:							**55.814.400**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 61.076.016 đồng/học kỳ								
332. Khối lớp: DI25T9F								
Lớp: DI25T9F1								
1	B2508427	Nguyễn Khánh Băng	13	88	3.73	Giỏi	9.860.400	
2	B2508444	Nguyễn Minh Khôi	13	83	3.73	Giỏi	9.860.400	
Cộng khối:							**19.720.800**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.899.120 đồng/học kỳ								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
333. Khối lớp: DI25V7F								
Lớp: DI25V7F1								
1	B2509820	Nguyễn Thị Kim Anh	12	93	3.92	Xuất sắc	12.326.400	
2	B2509842	Đoàn Hồ Trọng Nhân	12	94	3.92	Xuất sắc	12.326.400	
3	B2509846	Trương Thành Phát	12	95	3.92	Xuất sắc	12.326.400	
Lớp: DI25V7F2								
1	B2509884	Võ Trọng Nguyễn	12	98	3.92	Xuất sắc	12.326.400	
Cộng khối:							**49.305.600**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 47.128.320 đồng/học kỳ								
334. Khối lớp: FL23V1F								
Lớp: FL23V1F2								
1	B2306270	Lê Nguyễn Bảo Nghi	15	100	4	Xuất sắc	17.971.200	
2	B2306287	Nguyễn Kim Tiên	13	100	4	Xuất sắc	15.206.400	
3	B2306288	Lưu Ngọc Trâm	15	100	4	Xuất sắc	16.264.800	
Lớp: FL23V1F3								
1	B2306238	Hoàng Thị Thương	14	97	4	Xuất sắc	16.794.000	
Cộng khối:							**66.236.400**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 58.299.552 đồng/học kỳ								
335. Khối lớp: FL24V1F								
Lớp: FL24V1F1								
1	B2408431	Hoàng Trần Gia Anh	15	100	4	Xuất sắc	20.013.600	
2	B2408433	Nguyễn Thái Anh	16	97	4	Xuất sắc	20.673.600	
Lớp: FL24V1F2								
1	B2408487	Âu Ngọc Hân	14	92	4	Xuất sắc	19.353.600	
2	B2408495	Vũ Hải Linh	14	100	4	Xuất sắc	19.353.600	
Cộng khối:							**79.394.400**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 73.566.792 đồng/học kỳ								
336. Khối lớp: FL25V1F								
Lớp: FL25V1F1								
1	B2509265	Bùi Phát Huy	14	97	3.86	Xuất sắc	15.033.600	
2	B2509295	Trần Nguyễn Phương Vy	12	97	3.9	Xuất sắc	14.976.000	
Lớp: FL25V1F3								
1	B2504500	Lưu Hoàng Yến	14	100	3.86	Xuất sắc	15.033.600	
2	B2509343	Nguyễn Thành Chức	14	99	3.93	Xuất sắc	15.033.600	
3	B2509354	Huỳnh Tấn Lộc	14	100	3.86	Xuất sắc	15.033.600	
Cộng khối:							**75.110.400**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 80.361.605 đồng/học kỳ								
337. Khối lớp: KT2221F								
Lớp: KT2221F1								
1	B2200911	Lê Thị Liên Hương	12	70	3.5	Khá	11.610.000	
Lớp: KT2221F2								
1	B2200951	Trần Ngọc Hân	18	67	3.22	Khá	18.576.000	
2	B2200968	Huỳnh Quế Phụng	12	65	3	Khá	12.933.000	
Cộng khối:							**43.119.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 47.041.992 đồng/học kỳ								
338. Khối lớp: KT22W2F								
Lớp: KT22W2F1								
1	B2206344	Trần Thiên Trân	12	70	3.67	Khá	11.772.000	
Cộng khối:							**11.772.000**	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.413.704 đồng/học kỳ								
339. Khối lớp: KT22W4F								
Lớp: KT22W4F1								
1	B2206547	Nguyễn Duy Tân	12	81	3.58	Giỏi	13.741.200	
Cộng khối:							**13.741.200**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 48.109.392 đồng/học kỳ								
340. Khối lớp: KT2321F								
Lớp: KT2321F1								
1	B2301071	Huỳnh Ngọc Minh	14	96	3.65	Xuất sắc	20.091.600	
2	B2301079	Trần Minh Nhật	13	96	3.85	Xuất sắc	19.562.400	
3	B2301085	Đặng Kim Sang	13	97	4	Xuất sắc	19.562.400	
Lớp: KT2321F2								
1	B2301096	Nguyễn Trần Ngọc Anh	13	90	3.65	Xuất sắc	19.562.400	
Cộng khối:							**78.778.800**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 69.533.640 đồng/học kỳ								
341. Khối lớp: KT2322F								
Lớp: KT2322F1								
1	B2301304	Tô Thiện Mỹ	12	97	4	Xuất sắc	18.057.600	
Lớp: KT2322F2								
1	B2301364	Trần Kim Phụng	14	95	4	Xuất sắc	21.067.200	
2	B2301375	Lê Ngọc Thanh Tuyền	14	100	4	Xuất sắc	21.067.200	
Cộng khối:							**60.192.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 57.581.136 đồng/học kỳ								
342. Khối lớp: KT23W4F								
Lớp: KT23W4F1								
1	B2307232	Nguyễn Ngọc Thanh Nhi	16	95	4	Xuất sắc	21.067.200	
Lớp: KT23W4F2								
1	B2307263	Nguyễn Minh Long	14	97	4	Xuất sắc	21.067.200	
2	B2307286	Đặng Thanh Uy	19	97	4	Xuất sắc	23.713.200	
Cộng khối:							**65.847.600**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 56.022.624 đồng/học kỳ								
343. Khối lớp: KT2421F								
Lớp: KT2421F1								
1	B2401508	Trần Thị Nhật Anh	15	95	3.67	Xuất sắc	20.124.000	
2	B2401537	Nguyễn Ngọc Anh Thư	16	100	3.6	Xuất sắc	20.784.000	
Cộng khối:							**40.908.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.231.960 đồng/học kỳ								
344. Khối lớp: KT2422F								
Lớp: KT2422F1								
1	B2401814	Nguyễn Ngọc Thảo Ly	16	100	4	Xuất sắc	20.102.400	
2	B2401824	Nguyễn Ngọc Thảo Nhi	17	90	3.94	Xuất sắc	20.762.400	
3	B2401831	Nguyễn Thị Riêng	17	90	3.94	Xuất sắc	20.762.400	
Cộng khối:							**61.627.200**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 63.818.496 đồng/học kỳ								
345. Khối lớp: KT24W2F								
Lớp: KT24W2F1								
1	B2409435	Nguyễn Thu Ngân	16	93	3.62	Xuất sắc	16.737.600	
2	B2409457	Trần Thanh Trúc	14	98	3.69	Xuất sắc	16.737.600	
Cộng khối:							**33.475.200**	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.841.888 đồng/học kỳ								
346. Khối lớp: KT24W4F								
Lớp: KT24W4F1								
1	B2409739	Lê Đoàn Yến Nhi	13	93	3.92	Xuất sắc	16.196.400	
2	B2409744	Nguyễn Châu Nhật Quang	17	91	3.85	Xuất sắc	22.990.800	
Lớp: KT24W4F3								
1	B2409783	Nguyễn Phan Bảo Nhi	17	97	4	Xuất sắc	20.913.600	
2	B2409788	Nguyễn Thị Ngọc Quí	16	94	3.94	Xuất sắc	20.253.600	
Cộng khối:							**80.354.400**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 70.943.472 đồng/học kỳ								
347. Khối lớp: KT2521F								
Lớp: KT2521F1								
1	B2501502	Lê Thúy Diễm	16	97	3.59	Giỏi	15.925.800	
2	B2501512	Đinh Trần Mai Khôi	16	80	3.63	Giỏi	15.925.800	
Cộng khối:							**31.851.600**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.372.712 đồng/học kỳ								
348. Khối lớp: KT2522F								
Lớp: KT2522F1								
1	B2501795	Nguyễn Ngọc Nhi	16	82	3.66	Giỏi	15.925.800	
Lớp: KT2522F2								
1	B2501829	Lê Nguyễn Thiên Kim	16	99	3.53	Giỏi	15.925.800	
2	B2501843	Lâm Thị Tuyết Thu	16	96	3.59	Giỏi	15.925.800	
3	B2501849	Nguyễn Ngọc Thiên Trân	16	86	3.66	Giỏi	15.925.800	
Cộng khối:							**63.703.200**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 60.573.110 đồng/học kỳ								
349. Khối lớp: KT25W2F								
Lớp: KT25W2F1								
1	B2510316	Nguyễn Nhật Hào	17	90	3.71	Xuất sắc	19.009.200	
2	B2510354	Trương Gia Vinh	17	95	3.71	Xuất sắc	19.009.200	
Cộng khối:							**38.018.400**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.035.120 đồng/học kỳ								
350. Khối lớp: KT25W4F								
Lớp: KT25W4F1								
1	B2510597	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	12	100	3.83	Xuất sắc	10.831.200	
2	B2510616	Phan Điền Bảo Ngọc	12	98	3.75	Xuất sắc	10.831.200	
Lớp: KT25W4F2								
1	B2510643	Đỗ Thị Mỹ Duyên	12	100	3.83	Xuất sắc	10.831.200	
2	B2510655	Huỳnh Yến Ngọc	12	98	3.75	Xuất sắc	10.831.200	
3	B2510673	Lê Ngọc Tú	12	98	3.75	Xuất sắc	10.831.200	
Cộng khối:							**54.156.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.262.528 đồng/học kỳ								
351. Khối lớp: NN2208F								
Lớp: NN2208F1								
1	B2200228	Nguyễn Ngô Phương Anh	12	100	4	Xuất sắc	14.990.400	
Lớp: NN2208F2								
1	B2200241	Nguyễn Võ Đức Huy	12	100	3.88	Xuất sắc	14.990.400	
Cộng khối:							**29.980.800**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.561.960 đồng/học kỳ								
352. Khối lớp: NN2567F								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Lớp: NN2567F1								
1	B2503752	Trương Mỹ Nhàn	13	100	3.77	Xuất sắc	9.828.000	
2	B2503754	Ngô Diễm Phúc	13	98	3.77	Xuất sắc	9.828.000	
Cộng khối:							**19.656.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.838.800 đồng/học kỳ								
353. Khối lớp: TN22T7F								
Lớp: TN22T7F1								
1	B2204770	Trần Thái Dương	17	67	3.76	Khá	19.737.000	
Cộng khối:							**19.737.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.194.959 đồng/học kỳ								
354. Khối lớp: TN23T5F								
Lớp: TN23T5F1								
1	B2305164	Ngô Thành Đặng	14	92	3.5	Giỏi	15.074.400	
2	B2305191	Hà Huỳnh Hữu Thịnh	12	95	3.5	Giỏi	15.074.400	
Cộng khối:							**30.148.800**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.934.528 đồng/học kỳ								
355. Khối lớp: TN23T7F								
Lớp: TN23T7F2								
1	B2305439	Nguyễn Thái Bảo	15	90	3.73	Xuất sắc	18.873.600	
2	B2305491	Nguyễn Nguyên Thắng	13	90	3.85	Xuất sắc	16.132.800	
Cộng khối:							**35.006.400**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.143.408 đồng/học kỳ								
356. Khối lớp: TN23V6F								
Lớp: TN23V6F1								
1	B2306504	Nguyễn Anh Thư	12	100	4	Xuất sắc	16.444.800	
2	B2306511	Nguyễn Tấn Vững	12	100	4	Xuất sắc	16.444.800	
Cộng khối:							**32.889.600**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.539.864 đồng/học kỳ								
357. Khối lớp: TN23Y8F								
Lớp: TN23Y8F1								
1	B2308260	Phạm Huỳnh Vân Ngọc	16	90	3.78	Xuất sắc	21.926.400	
Cộng khối:							**21.926.400**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.831.344 đồng/học kỳ								
358. Khối lớp: TN24T5F								
Lớp: TN24T5F1								
1	B2407019	Nguyễn Trần Gia Bảo	15	94	3.54	Giỏi	16.572.600	
2	B2407049	Trịnh Yến Ngọc	15	79	3.36	Khá	15.822.000	
Cộng khối:							**32.394.600**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.000.114 đồng/học kỳ								
359. Khối lớp: TN24T7F								
Lớp: TN24T7F1								
1	B2407377	Nguyễn Văn Lý Hải	13	95	4	Xuất sắc	14.856.000	
2	B2407399	Phạm Tấn Lực	13	90	3.83	Xuất sắc	14.856.000	
Cộng khối:							**29.712.000**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.511.560 đồng/học kỳ								
360. Khối lớp: TN24V6F								
Lớp: TN24V6F1								
1	B2405277	Phan Trang Thanh	16	95	3.93	Xuất sắc	18.889.200	
Cộng khối:							**18.889.200**	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.377.344 đồng/học kỳ								
361. Khối lớp: TN24Y8F								
Lớp: TN24Y8F1								
1	B2410633	Thái Minh Nhân	14	88	3.58	Giỏi	15.342.800	
Cộng khối:							**15.342.800**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.603.224 đồng/học kỳ								
362. Khối lớp: TN25T5F								
Lớp: TN25T5F1								
1	B2507804	Trần Minh Quân	14	97	3.93	Xuất sắc	15.465.600	
Lớp: TN25T5F2								
1	B2507809	Phan Vĩnh Tài	14	100	3.86	Xuất sắc	15.465.600	
Cộng khối:							**30.931.200**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.189.504 đồng/học kỳ								
363. Khối lớp: TN25T7F								
Lớp: TN25T7F1								
1	B2508271	Tô Thùy Linh	13	83	3.65	Giỏi	11.246.400	
Lớp: TN25T7F2								
1	B2508288	Nguyễn Tiến Thành	13	90	3.65	Xuất sắc	12.268.800	
2	B2508299	Vi Thanh Thuận	13	90	3.46	Giỏi	11.246.400	
Cộng khối:							**34.761.600**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.887.726 đồng/học kỳ								
364. Khối lớp: TN25V6F								
Lớp: TN25V6F1								
1	B2509605	Nguyễn Phan Trúc Anh	14	100	3.79	Xuất sắc	15.465.600	
2	B2509631	Lê Hoàng Quân	14	99	3.79	Xuất sắc	15.465.600	
Cộng khối:							**30.931.200**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.522.640 đồng/học kỳ								
365. Khối lớp: TN25Y8F								
Lớp: TN25Y8F1								
1	B2511630	Nguyễn Huỳnh Thiên Phúc	13	97	4	Xuất sắc	12.063.600	
2	B2511634	Trương Nguyễn Tấn Sang	13	97	3.77	Xuất sắc	12.063.600	
Cộng khối:							**24.127.200**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.505.008 đồng/học kỳ								
366. Khối lớp: DA2366T								
Lớp: DA2366T2								
1	B2302562	Phạm Võ Gia Băng	15	100	4	Xuất sắc	23.562.000	
2	B2302582	Huỳnh Thiên Lạc	15	100	4	Xuất sắc	23.562.000	
3	B2302593	Phạm Lê Mỹ Ngân	18	98	4	Xuất sắc	24.091.200	
Cộng khối:							**71.215.200**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 62.389.296 đồng/học kỳ								
367. Khối lớp: DA2466T								
Lớp: DA2466T2								
1	B2403476	Bùi Như Mơ	14	93	4	Xuất sắc	15.847.200	
2	B2403501	Lại Thị Mỹ Uyên	14	93	4	Xuất sắc	15.847.200	
Cộng khối:							**31.694.400**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.463.240 đồng/học kỳ								
368. Khối lớp: DA2566T								
Lớp: DA2566T1								
1	B2503470	Trịnh Ngọc Hân	12	100	3.92	Xuất sắc	12.873.600	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	Số tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
Cộng khối:							**12.873.600**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.673.280 đồng/học kỳ								
369. Khối lớp: TS2513T								
Lớp: TS2513T1								
1	B2500862	Nguyễn Thảo Nguyên	15	93	3.86	Xuất sắc	16.617.600	
Cộng khối:							**16.617.600**	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.704.834 đồng/học kỳ								

ĐẠI HỌC CẦN THƠ